

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Bích Ngọc**

**Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT Tô Thúy Hoa**

**HẢI PHÒNG – 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Bích Ngọc**

**Giảng viên hướng dẫn: CN.KTT Tô Thúy Hoa**

**HẢI PHÒNG – 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Hoàng Bích Ngọc

Mã SV: 120081

Lớp: QT 1203K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Trình bày các cơ sở lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.
  - Phân tích thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.
  - Đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
  - Quy định, quy chế về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp.
  - Số liệu kế toán liên quan trong những năm gần đây.
  - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
  - Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.
  - Địa chỉ : Số 341 - Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng.

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I : CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1. Khái quát chung vài nét về doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh .....	3
1.1.1. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu .....	3
1.1.1.1. Doanh thu .....	3
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu : .....	6
1.1.2. Chi phí .....	7
1.1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp .....	10
1.2. Vai trò, ý nghĩa, yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	11
1.2.1. Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	11
1.2.2. Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ....	12
1.2.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .	13
1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	14
1.3.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	14
1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	17
1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	20
1.3.2.1. Chứng từ sử dụng : .....	21
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng : .....	21
1.3.2.3. Sơ đồ hạch toán : .....	22
1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	24
1.3.3.1. Chứng từ sử dụng : .....	24
1.3.3.2. Tài khoản sử dụng : .....	24
1.3.3.3. Sơ đồ hạch toán : .....	25

1.3.4. Kế toán hoạt động tài chính .....	26
1.3.4.1. Chứng từ sử dụng : .....	26
1.3.4.2. Tài khoản sử dụng : .....	26
1.3.4.3. Sơ đồ hạch toán : .....	28
1.3.5. Kế toán hoạt động khác .....	29
1.3.5.1. Chứng từ sử dụng : .....	29
1.3.5.2. Tài khoản sử dụng : .....	29
1.3.5.3. Sơ đồ hạch toán : .....	30
1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	31
1.3.6.1. Chứng từ sử dụng : .....	31
1.3.6.2. Tài khoản sử dụng : .....	31
1.3.6.3. Sơ đồ hạch toán : .....	32
1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	33
1.3.7.1. Chứng từ sử dụng : .....	33
1.3.7.2. Tài khoản sử dụng : .....	33
1.3.7.3. Sơ đồ hạch toán : .....	33
1.4. Tổ chức vận dụng các hình thức, sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	34
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ.....	34
1.4.1.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản : .....	34
1.4.1.2. Các loại sổ : .....	35
1.4.1.3. Trình tự ghi sổ kế toán : .....	35
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	35
1.4.2.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản : .....	35
1.4.2.2. Các loại sổ : .....	36
1.4.2.3. Trình tự ghi sổ kế toán : .....	36
1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái .....	36
1.4.3.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản : .....	36
1.4.3.2. Các loại sổ : .....	36
1.4.3.3. Trình tự ghi sổ kế toán : .....	37

1.4.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	37
1.4.4.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản : .....	37
1.4.4.2. Các loại sổ : .....	37
1.4.4.3. Trình tự ghi sổ kế toán : .....	38
1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	38
1.4.5.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản : .....	38
1.4.5.2. Các loại sổ : .....	39
1.4.5.3. Trình tự ghi sổ kế toán : .....	39
<b>CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN.....</b>	<b>40</b>
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân .....	40
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Hàng Hải Vạn Xuân.....	40
2.1.1.1. Giới thiệu về công ty Cổ Phần Hàng Hải Vạn Xuân .....	40
2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển .....	40
2.1.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.....	41
2.1.2.1. Bộ máy tổ chức quản lý trên bờ .....	41
2.1.2.2. Về bộ máy tổ chức thuyền viên trên biển .....	43
2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	43
2.1.4. Chức năng, phương thức hoạt động của Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân .....	45
2.1.5. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán của công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân .....	46
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.....	47
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	47
2.2.1.1. Đặc điểm kinh doanh của công ty .....	47
2.2.1.2. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng.....	48
2.2.1.3. Tài khoản sử dụng.....	48

2.2.1.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.....	48
2.2.1.5. Ví dụ minh họa :.....	49
2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	60
2.2.2.1.Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính.....	60
2.2.2.2. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng.....	60
2.2.2.3.Tài khoản sử dụng.....	60
2.2.2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.....	60
2.2.2.5.Ví dụ minh họa :.....	61
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	66
2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý doanh nghiệp :.....	66
2.2.3.2. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng.....	66
2.2.3.3.Tài khoản sử dụng.....	66
2.2.3.4. Quy trình luân chuyển chứng từ.....	66
2.2.3.5.Ví dụ minh họa :.....	67
2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	81
2.2.4.1. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng.....	81
2.2.4.2.Tài khoản sử dụng.....	81
2.2.4.3. Quy trình luân chuyển chứng từ.....	82
<b>CHƯƠNG III : HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN .....</b>	<b>90</b>
3.1. Đánh giá khái quát về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.....	90
3.1.1.Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị .....	90
3.1.2. Những ưu điểm đạt được.....	91
3.1.2.1. Về tổ chức bộ máy quản lý .....	91
3.1.2.2. Về tổ chức bộ máy kế toán.....	91
3.1.2.3. Về việc vận dụng hệ thống tài khoản và hình thức kế toán .....	92
3.1.2.4. Về chứng từ kế toán sử dụng .....	92
3.1.2.5. Về sổ sách kế toán sử dụng.....	93



3.1.2.6. Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	93
3.1.3. Một số hạn chế .....	94
3.1.3.1. Về hình thức kế toán .....	94
3.1.3.2. Về việc trích nộp kinh phí công đoàn .....	94
3.1.3.3. Về công tác thu hồi nợ .....	95
3.2. Các kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.....	95
3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh .....	95
3.2.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh .....	96
3.2.3. Nội dung một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.....	97
3.2.3.1. Kiến nghị 1: Về ứng dụng phần mềm kế toán .....	97
3.2.3.2. Kiến nghị 2: Về việc trích nộp kinh phí công đoàn .....	99
3.2.3.3. Kiến nghị 3: Hoàn thiện công tác thu hồi nợ .....	99
3.2.3.4. Kiến nghị 4: Về đội ngũ kế toán .....	99
3.2.3.5. Kiến nghị 5: Hoàn thiện kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	100
3.2.3.6. Kiến nghị khác : .....	100
<b>KẾT LUẬN</b> .....	101
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	102

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ,.....	16
doanh thu nội bộ.....	16
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	19
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	22
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	23
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	25
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	28
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	30
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.....	32
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.....	32
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.....	34
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ.....	35
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	36
Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	37
Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	38
Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	39
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý trên bờ.....	41
Sơ đồ 2.2: Bộ máy tổ chức thuyền viên trên biển.....	43
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty.....	45
Sơ đồ 2.4: Phương thức hoạt động.....	45
Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	47
Sơ đồ 2.6: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ.....	49
Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	60
Sơ đồ 2.9: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	66
Sơ đồ 2.10: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	82
Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	98

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 : Hoá đơn GTGT .....	50
Biểu số 2.2 : Phiếu kế toán.....	50
Biểu số 2.3 : Hoá đơn GTGT .....	52
Biểu số 2.4 : Phiếu thu .....	53
Biểu số 2.5: Sổ chi tiết thanh toán với người mua .....	54
Biểu số 2.6: Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua .....	55
Biểu số 2.8: Sổ cái TK 511 .....	57
Biểu số 2.7: Trích Sổ nhật ký chung.....	56
Biểu số 2.9: Sổ cái TK 131 .....	58
Biểu số 2.10: Sổ cái TK 111 .....	59
Biểu số 2.11: Sổ phụ ngân hàng.....	61
Biểu số 2.12: Phiếu báo Có .....	62
Biểu số 2.13: Trích Sổ nhật ký chung.....	63
Biểu số 2.14: Sổ cái TK 515 .....	64
Biểu số 2.15: Sổ cái TK 112 .....	65
Biểu số 2.16: Hoá đơn GTGT .....	68
Biểu số 2.17: Phiếu chi.....	69
Biểu số 2.18: Hoá đơn GTGT .....	70
Biểu số 2.19: Phiếu chi.....	71
Biểu số 2.20: Hoá đơn GTGT .....	72
Biểu số 2.21: Phiếu chi.....	73
Biểu số 2.22: Phiếu báo Nợ.....	74
Biểu số 2.23: Bảng thanh toán tiền lương khối văn phòng.....	76
Biểu số 2.24: Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương.....	78
Biểu số 2.25 : Trích Sổ nhật ký chung .....	79
Biểu số 2.26 : Sổ cái TK 642 .....	80
Biểu số 2.27 : Phiếu kế toán.....	84
Biểu số 2.28 : Phiếu kế toán.....	84

Biểu số 2.29 : Trích Sổ nhật ký chung .....	85
Biểu số 2.30 : Sổ cái TK 911 .....	86
Biểu số 2.31 : Sổ cái TK 821 .....	87
Biểu số 2.32: Sổ cái TK 421 .....	88
Biểu số 2.33: Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 .....	89

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế vừa có yếu tố hợp tác chặt chẽ vừa có yếu tố cạnh tranh quyết liệt ấy, các nhà kinh doanh phải năng động và sáng tạo hơn, sáng suốt với những phương án kinh doanh phù hợp để sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả nhất, tạo khả năng chiếm lĩnh thị trường làm cho doanh nghiệp ngày càng phát triển đi lên vững mạnh. Bởi vậy, các doanh nghiệp phải luôn quan tâm đến tính hiệu quả trong hoạt động kinh tế, chú trọng đến lượng chi phí bỏ ra, doanh thu đạt được và kết quả kinh doanh trong kỳ. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Đặc biệt là để kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phát huy hết vai trò và chức năng của nó, cần phải biết tổ chức công tác này một cách hợp lý, khoa học và thường xuyên được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu và điều kiện của từng doanh nghiệp.

Xuất phát từ lý luận và nhu cầu thực tiễn, em đã chọn nghiên cứu đề tài : **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân”** nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay.

Chuyên đề gồm 3 chương :

**Chương I : Cơ sở lý luận chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.**

**Chương II : Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.**

**Chương III : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Dù đã có nhiều cố gắng nhưng do kiến thức của bản thân còn hạn chế nên không thể tránh khỏi những thiếu sót trong quá trình tìm hiểu, trình bày và đánh giá về Công ty nên rất mong nhận được sự quan tâm, đóng góp và bổ sung của các thầy cô giáo để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn Phòng kế toán cùng các phòng ban chức năng của Công ty và cô CN.KTT Tô Thúy Hoa đã giúp em hoàn thành khóa luận này.

*Em xin chân thành cảm ơn !*

**Sinh viên : Hoàng Bích Ngọc**

**CHƯƠNG I : CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP**

**1.1. Khái quát chung vài nét về doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh**

**1.1.1. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu**

**1.1.1.1. Doanh thu**

***☞ Khái niệm doanh thu :***

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu được XD bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại và một số loại thuế như thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

***☞ Các loại doanh thu :***

❖ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :*** là toàn bộ số tiền đã thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán hàng hóa , cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ ***Doanh thu tiêu thụ nội bộ :*** là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính :*** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính như tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán, lãi tỷ giá hối đoái, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, lãi chuyển nhượng vốn...

❖ ***Thu nhập khác :*** là các khoản thu nhập, doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mà doanh nghiệp không dự tính trước được

hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

Gồm : Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác; Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ, thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền, hiện vật; Các khoản thu khác...

### *☞ Những nội dung cơ bản của phương thức bán hàng :*

Bán hàng là khâu cuối cùng của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, của quá trình tuần hoàn vốn. Nếu xét dưới góc độ kinh tế bán hàng là một quá trình chuyển giao sản phẩm, hàng hóa dịch vụ cho người mua, người đặt hàng và nhận được từ họ một số tiền tương ứng.

### *❖ Các phương thức bán hàng :*

Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho thành phẩm, hàng hóa. Đồng thời, có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Hiện nay, các doanh nghiệp đang vận dụng các phương thức bán hàng sau :

+ *Phương thức bán hàng trực tiếp* : là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp kho (hay tại các phân xưởng không qua kho) của doanh nghiệp khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và người có quyền sở hữu về số hàng này.

+ *Phương thức gửi hàng đi bán* : Định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

+ *Phương thức bán thông qua đại lý* : Khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

+ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp* : Khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần, khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

Theo phương pháp trả góp về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

+ *Phương thức bán hàng đổi hàng* : Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

### **❖ Các phương thức thanh toán :**

Hiện nay có hai phương thức thanh toán được sử dụng nhiều nhất trong các doanh nghiệp là :

+ *Thanh toán trực tiếp* : Là hình thức thanh toán bằng tiền mặt được thực hiện giữa người mua và người bán.

+ *Thanh toán gián tiếp* : Là hình thức thanh toán bằng cách chuyển tiền từ tài khoản của công ty hay bù trừ công nợ giữa các đơn vị thông qua cơ quan trung gian là ngân hàng, trung tâm thanh toán không dùng tiền mặt.

### **☞ Thời điểm ghi nhận, nguyên tắc hạch toán doanh thu :**

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác ( Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

✚ Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau :

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

✚ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng CĐKT.
- Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu :**

- *Chiết khấu thương mại* : là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua bán hàng.

- *Giảm giá hàng bán* : là khoản doanh nghiệp giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Giảm giá hàng bán chỉ được tính là khoản giảm trừ doanh thu nếu phát sinh sau khi phát hành hóa đơn.

- *Hàng bán bị trả lại* : là số hàng hóa đã xác định là tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân thuộc về doanh nghiệp như : vi phạm cam kết, vi

phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách theo thỏa thuận.

Ngoài ra các khoản giảm trừ doanh thu còn bao gồm :

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt* : là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu được cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- *Thuế xuất khẩu* : là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa phải chịu thuế xuất khẩu. Là sắc thuế đánh vào trị giá hàng hóa giữa các quốc gia.

- *Thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp*: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế này phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

### 1.1.2. Chi phí

#### ☞ *Khái niệm chi phí* :

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động kinh tế như sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp đã bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

#### ☞ *Các loại chi phí* :

##### ❖ *Giá vốn hàng bán* :

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ , dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của DN :

- Đối với doanh nghiệp sản xuất : trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm không nhập kho mà xuất bán thẳng chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sx thực tế của thành phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại : trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ : giá vốn chính là các CP thực tế phát sinh như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung của dịch vụ (giá thành thực tế của dịch vụ) được tập hợp trong kỳ.

### ❖ **Chi phí hoạt động tài chính :**

Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp như chi phí tiền lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền ... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền. Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm :

- Các khoản CP hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư TC.
- Chi phí đi vay vốn.
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

### ❖ **Chi phí bán hàng :**

Là toàn bộ chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí vật liệu, bao bì : phục vụ bảo quản, đóng gói hàng hóa để vận chuyển đi tiêu thụ.
- Chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo.
- Chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm.
- Chi phí nhân viên bán hàng : gồm các khoản tiền lương và các khoản trích theo lương theo qui định cho nhân viên bán hàng, đóng gói, bảo quản hàng hóa, vận chuyển hàng hóa đi tiêu thụ

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho hoạt động bán hàng hóa như dụng cụ đo lường, bàn ghế, máy tính...

- Chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho các bộ phận bảo quản hàng hóa, bộ phận bán hàng như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển...

- Chi phí bằng tiền khác...

### **❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp :**

Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thuần. Là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào như quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm :

- Chi phí quản lý nhân viên : gồm tiền lương và các khoản phụ cấp, ăn ca phải trả cho ban giám đốc, nhân viên ở các phòng ban, các khoản trích theo lương đó được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý. Chi phí đồ dùng văn phòng.

- Chi phí khấu hao TSCĐ : nhà văn phòng làm việc của doanh nghiệp, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, thiết bị văn phòng.

- Thuế, phí, lệ phí : thuế môn bài, thuế nhà đất và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng : gồm dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài : tiền điện, nước, điện thoại, thuê nhà làm văn phòng, thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ khối văn phòng...

- Chi phí bằng tiền khác : phục vụ cho việc điều hành, quản lý chung của doanh nghiệp như chi tiếp khách, hội nghị, chi phí kiểm toán, công tác phí...

❖ **Chi phí khác :** Chi phí khác là các khoản chi phí (lỗ) phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm :

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế. Bị phạt thuế, truy thu thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán nhầm lẫn hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác...

### ❖ *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp :*

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Trong đó :

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ nộp trong tương lai phát sinh từ : ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm, hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### **1.1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là số chênh lệch giữa các khoản doanh thu với các khoản chi phí trong một kỳ nhất định, đồng thời cũng là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời gian xác định, bao gồm :

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với giá vốn bán, chi phí bán hàng và chi phí

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

quản lý doanh nghiệp. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

- Kết quả hoạt động tài chính : là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác : là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

### **1.2. Vai trò, ý nghĩa, yêu cầu và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.2.1. Vai trò, ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**



Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và trong doanh nghiệp nói riêng. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh quản lý được tổng doanh thu, tổng chi phí từ đó xác định được kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, là nguồn vốn để tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác...

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi vì nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó đều gây ra những khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Cuối cùng, doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra. Chính vì vậy, nắm vững được công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ biết được tổng chi phí sẽ đạt được giá bán so cho có lợi nhuận, kiểm soát và giảm các chi phí, đưa ra các chiến lược kinh doanh có hiệu quả nhằm tăng doanh thu, đồng thời đưa ra các quyết định đúng đắn trong kinh doanh, vạch ra kế hoạch kinh doanh cho tương lai, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

### **1.2.2. Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh vào những chứng từ kế toán, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.
- Phản ánh kịp thời, đúng thời gian quy định thông tin, số liệu kế toán.
- Phản ánh rõ ràng, dễ hiểu và chính xác thông tin, số liệu kế toán.
- Phản ánh trung thực hiện trạng, bản chất vụ việc, nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế tài chính.



- Thông tin, số liệu kế toán phải được phản ánh liên tục từ khi phát sinh đến khi kết thúc hoạt động kinh tế, tài chính từ khi thành lập đến khi chấm dứt hoạt động của đơn vị kế toán, số liệu kế toán phản ánh kỳ này phải kế tiếp theo số liệu kế toán của kỳ trước, từ đó sắp xếp, phân loại thông tin, số liệu theo trình tự, có hệ thống và có thể so sánh được.

### **1.2.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Ghi chép, phản ánh, theo dõi kịp thời, chính xác công tác mua hàng, bán hàng về mặt số lượng, kết cấu, chủng loại, quy cách, kiểu cỡ, giá cả và thời điểm của các loại hàng mua, hàng bán theo từng phương thức mua hàng, bán hàng.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch mua hàng, bán hàng theo từng nguồn hàng, từng hợp đồng, từng đơn đặt hàng, từng khách hàng, từng loại hàng, tình hình thanh toán tiền hàng.

- Xác định kịp thời, chính xác giá thực tế của hàng đã mua, tính chính xác tổng trị giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng mặt hàng, nhóm hàng, hóa đơn, khách hàng và từng đơn vị trực thuộc, xác định cụ thể giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ (giá vốn của hàng bán ra) và phân bổ chi phí thu mua cho từng hàng đã tiêu thụ.

- Quản lý thu hồi tiền hàng, khách nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng.
- Tập hợp đầy đủ, chính xác chi phí bán hàng thực tế phát sinh, phân bổ hợp lý, kết chuyển đúng quy định các chi phí bán hàng cho hàng đã tiêu thụ.

- Tham mưu các giải pháp để thúc đẩy bán hàng, thu tiền hàng, tăng nhanh vòng quay vốn, cung cấp cho lãnh đạo nhanh chóng, thường xuyên, nhạy bén các thông tin mua hàng, thanh toán tiền hàng, giá cả, lượng hàng tồn kho để lãnh đạo nghiên cứu, có căn cứ cho những quyết định chỉ đạo điều hành hoạt động mua bán và kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin mua, bán hàng cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

### **1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

#### **1.3.1. Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu**

##### ***1.3.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của DN trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau :

- Bán hàng : bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ : thực hiện công việc thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

##### ***☞ Chứng từ sử dụng :***

- Hóa đơn GTGT ( Mẫu số 01 GTGT – 3LL ) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hóa đơn bán hàng thông thường ( Mẫu số 02 GTKT – 3LL ) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hợp đồng mua bán. Thẻ quầy hàng ( Mẫu 15 – BH ).

- Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi ( Mẫu 14 – BH ).

- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê tài khoản của ngân hàng...

- Tờ khai thuế GTGT ( Mẫu 07A/GTGT ).

- Các chứng từ kế toán liên quan khác như : Phiếu xuất kho ( Mẫu số 03 PXK – 3LL ), thẻ kho, hóa đơn vận chuyển, bóc dỡ, biên bản bàn giao hàng hóa, thành phẩm, bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra...

##### ***☞ Tài khoản sử dụng :***

##### ***✚ Tài khoản 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu của TK 511:

➤ **Bên nợ :**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo pp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.

- Chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

➤ **Bên có :**

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 có các tài khoản cấp 2 sau :

+ TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa.      + TK 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá.

+ TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm.      + TK 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản

+ TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ.      đầu tư.

✚ ***Tài khoản 512 : Doanh thu bán hàng nội bộ***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Kết cấu của TK 512:

➤ **Bên nợ :**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương thức trực tiếp của số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911.

➤ **Bên có :**

- Tổng số doanh thu BH nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

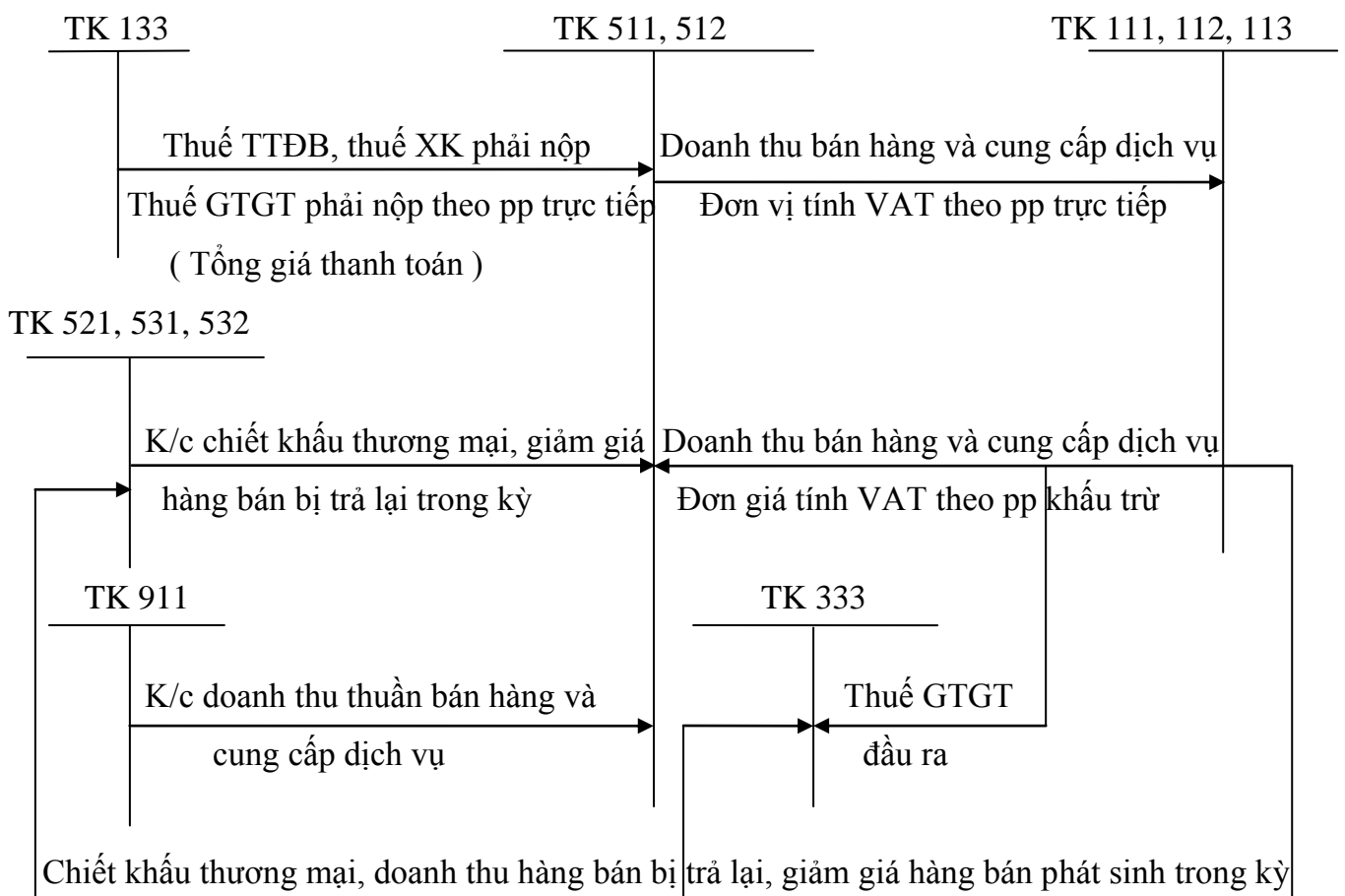
Tài khoản 512 có ba tài khoản cấp 2 sau :

+ TK 5121 : Doanh thu bán hàng hóa.

+ TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm.

+ TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ.

☞ **Sơ đồ hạch toán :**



**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ**

### 1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### ☞ Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn GTGT.
- Hợp đồng mua bán.
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ ngân hàng, bảng sao kê tài khoản của ngân hàng...

- Các chứng từ kế toán liên quan khác như : Phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

#### ☞ Tài khoản sử dụng :

##### **Tài khoản 521 : Chiết khấu thương mại.**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại do doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Kết cấu của TK 521:

##### ➤ **Bên nợ :**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

##### ➤ **Bên có :**

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

##### **Tài khoản 531 : Hàng bán bị trả lại.**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân : vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng hóa bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Kết cấu của TK 531:

##### ➤ **Bên nợ :**

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm.

➤ **Bên có :**

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 bên nợ tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

✚ ***Tài khoản 532 : Giảm giá hàng bán.***

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Kết cấu của TK 532:

➤ **Bên nợ :**

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng, do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

➤ **Bên có :**

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc tài khoản 512.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

✚ ***Tài khoản 333 : Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.***

Tài khoản này dùng để phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp, còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Kết cấu của TK 333:

➤ **Bên nợ :**

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ.  
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp.

- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại.

➤ **Bên có:**

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.

- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào NSNN.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản 333 có số dư bên Có : số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

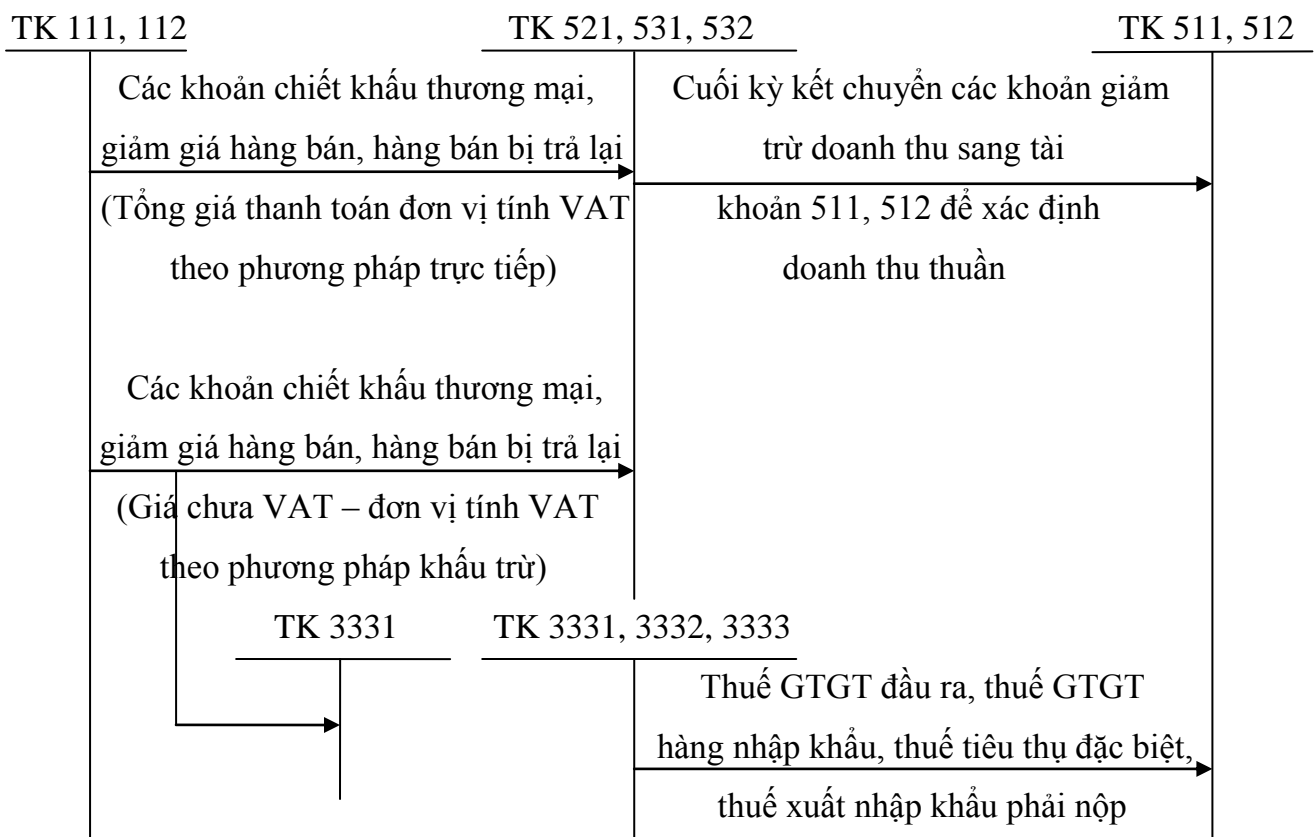
Tài khoản 333 có 9 tài khoản cấp 2 :

- + TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp
- + TK 3332 : Thuế tiêu thụ đặc biệt
- + TK 3333 : Thuế xuất, nhập khẩu
- + TK 3334 : Thuế thu nhập doanh nghiệp
- + TK 3335 : Thuế thu nhập cá nhân

.....

### *☛ Sơ đồ hạch toán :*

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ sau:



**Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

### 1.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau :

❖ *Phương pháp tính theo giá đích danh :*

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền :*

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức :

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Đơn giá bình quân}}$$

Đơn giá bình quân có thể được tính theo một trong hai cách sau :

- Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ : Theo phương pháp này, cuối kỳ kế toán mới đi xác định giá bình quân từ đó mới xác định được trị giá xuất từng ngày trong kỳ.

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

- Đơn giá bình quân liên hoàn : Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập đó.

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Giá trị hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

❖ *Phương pháp nhập trước – xuất trước ( FIFO ):*

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này, giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc



gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

❖ *Phương pháp nhập sau– xuất trước ( LIFO ):*

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này, giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

### **1.3.2.1. Chứng từ sử dụng :**

- Hóa đơn GTGT.
- Hợp đồng kinh tế.
- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

### **1.3.2.2. Tài khoản sử dụng :**

Tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán” dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp ( đối với doanh nghiệp xây lắp ) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động như : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư...

Kết cấu của TK 632:

➤ **Bên nợ :**

- Giá vốn hàng đã bán.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

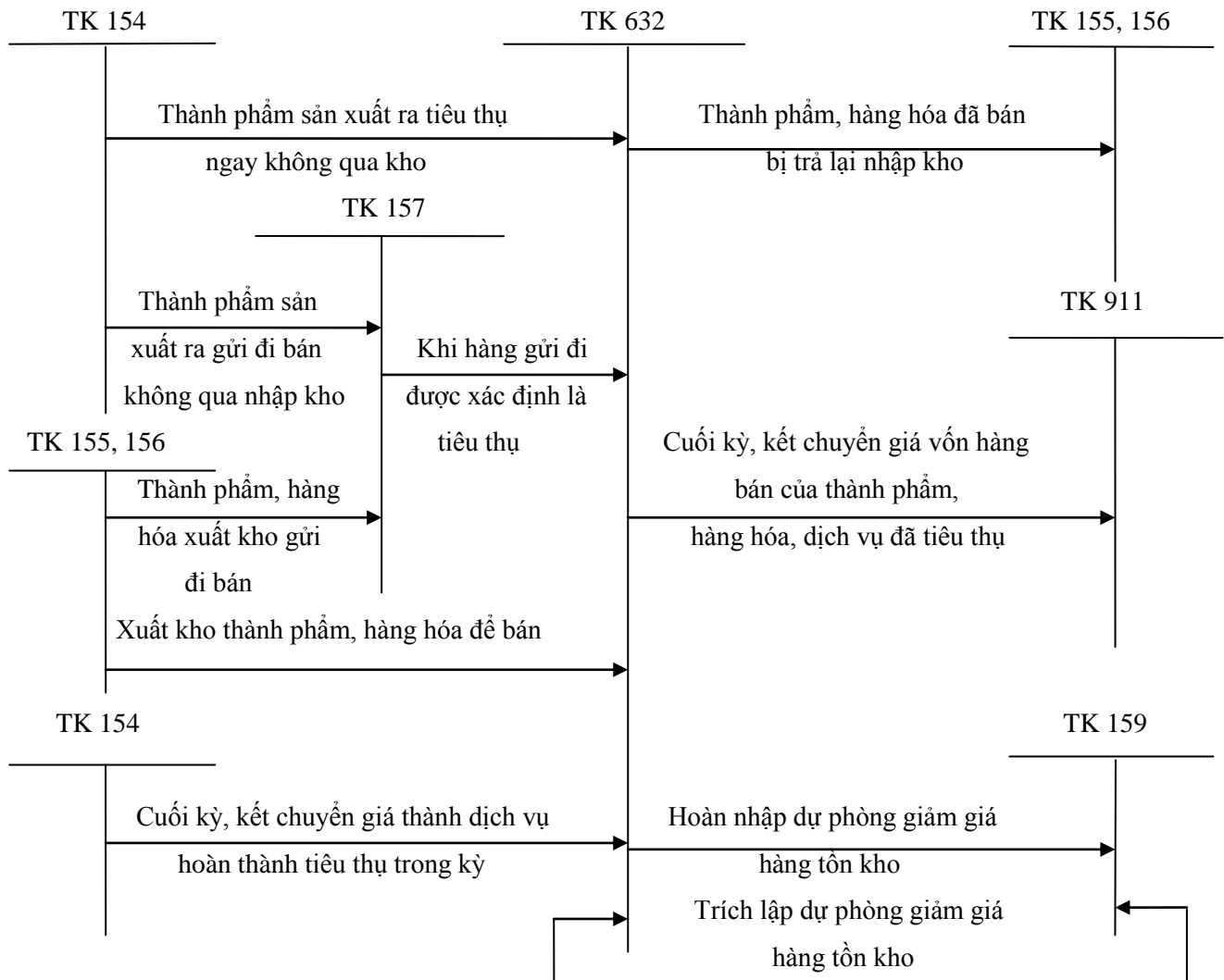
➤ **Bên có:**

- Kết chuyển giá vốn hàng bán của hàng đã gửi bán nhưng chưa xác định là đã tiêu thụ.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá bán hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên nợ tài khoản 911.

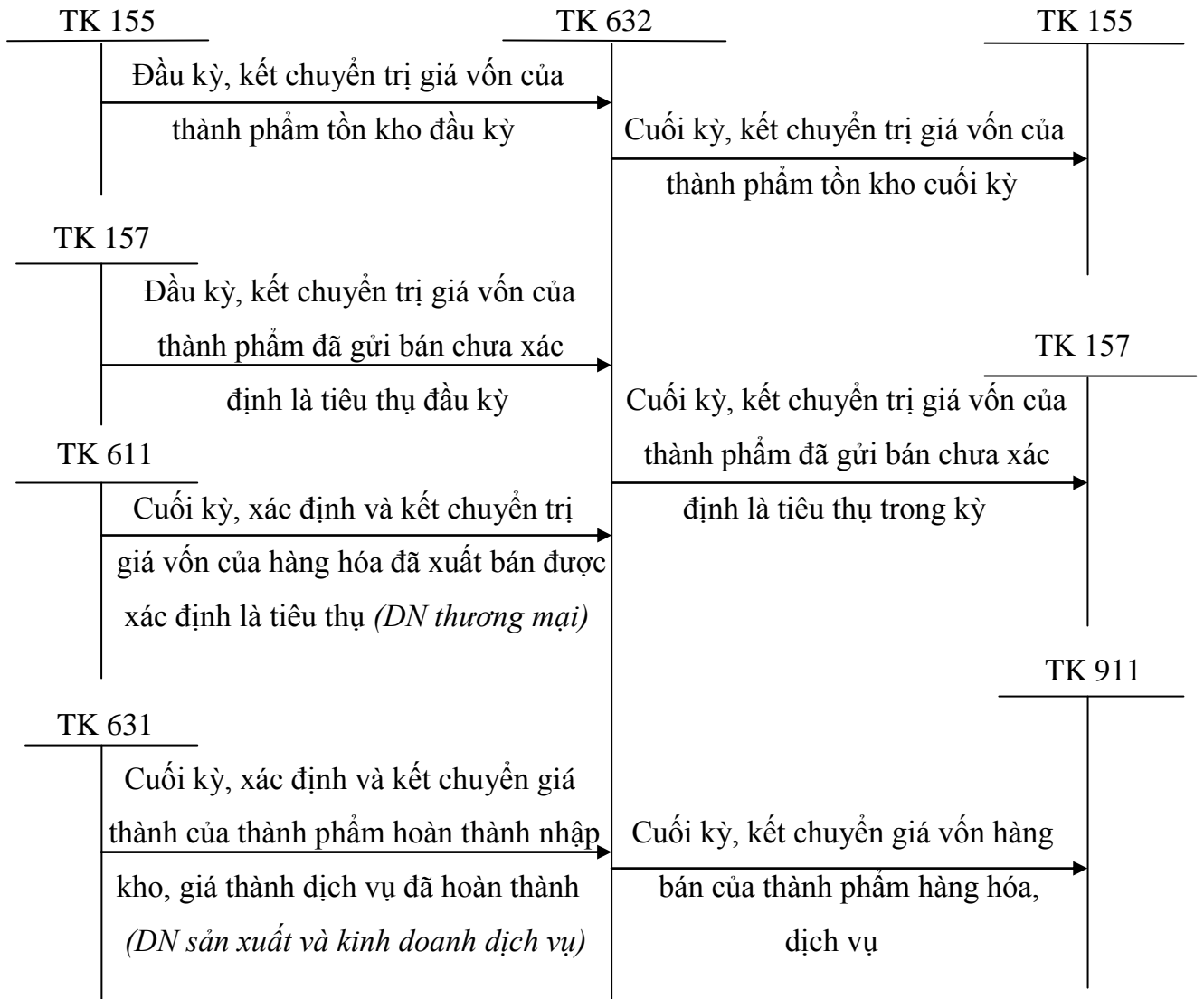
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

**1.3.2.3. Sơ đồ hạch toán :**



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

### 1.3.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### 1.3.3.1. Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương.
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.3.3.2. Tài khoản sử dụng :

##### **Tài khoản 641 : Chi phí bán hàng**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

Kết cấu của TK 641:

➤ **Bên nợ** : Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

➤ **Bên có** : Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2 sau :

- |                                       |                                     |
|---------------------------------------|-------------------------------------|
| + TK 6411 : Chi phí nhân viên.        | + TK 6415 : Chi phí bảo hành.       |
| + TK 6412 : Chi phí vật liệu bao bì.  | + TK 6417 : Chi phí dịch vụ ngoài.  |
| + TK 6413 : Chi phí dụng cụ, đồ dùng. | + TK 6418 : Chi phí khác bằng tiền. |
| + TK 6414 : Chi phí khấu hao TSCĐ.    |                                     |

##### **Tài khoản 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Kết cấu của TK 642:

##### ➤ **Bên nợ** :

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dư phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp mất việc làm.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ **Bên có:**

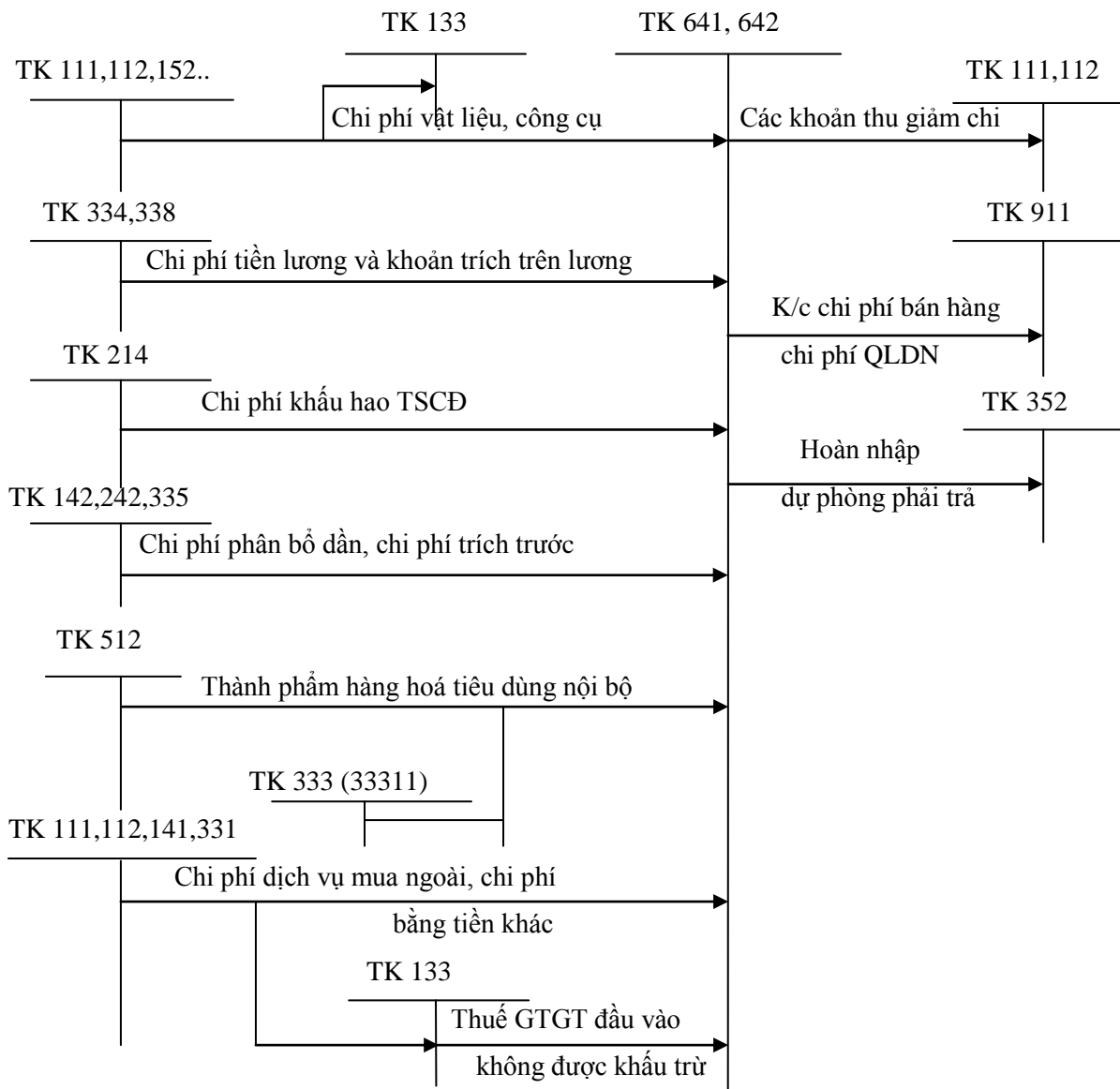
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2 sau :

- |  |                                     |
|--|-------------------------------------|
| + TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý. | + TK 6425 : Thuế, phí và lệ phí.    |
| + TK 6422 : Chi phí vật liệu quản lý.  | + TK 6426 : Chi phí dự phòng.       |
| + TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng. | + TK 6427 : Chi phí dịch vụ ngoài.  |
| + TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ.     | + TK 6428 : Chi phí khác bằng tiền. |

**1.3.3.3. Sơ đồ hạch toán :**



**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

### 1.3.4. Kế toán hoạt động tài chính

#### 1.3.4.1. Chứng từ sử dụng :

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có.
- Phiếu chi, phiếu thu.
- Các hợp đồng vay vốn.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.3.4.2. Tài khoản sử dụng :

##### **Tài khoản 515 : Doanh thu hoạt động tài chính:**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong doanh nghiệp.

Kết cấu của TK 515:

##### ➤ **Bên nợ** :

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp ( nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính vào tài khoản 911.

##### ➤ **Bên có** :

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết. Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

##### **Tài khoản 635 : Chi phí hoạt động tài chính**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong doanh nghiệp. Kết cấu của TK 635:

##### ➤ **Bên nợ** :

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Lỗ bán ngoại tệ. Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính. Các khoản CF tài chính khác.

➤ **Bên có :** - Các khoản giảm chi phí tài chính

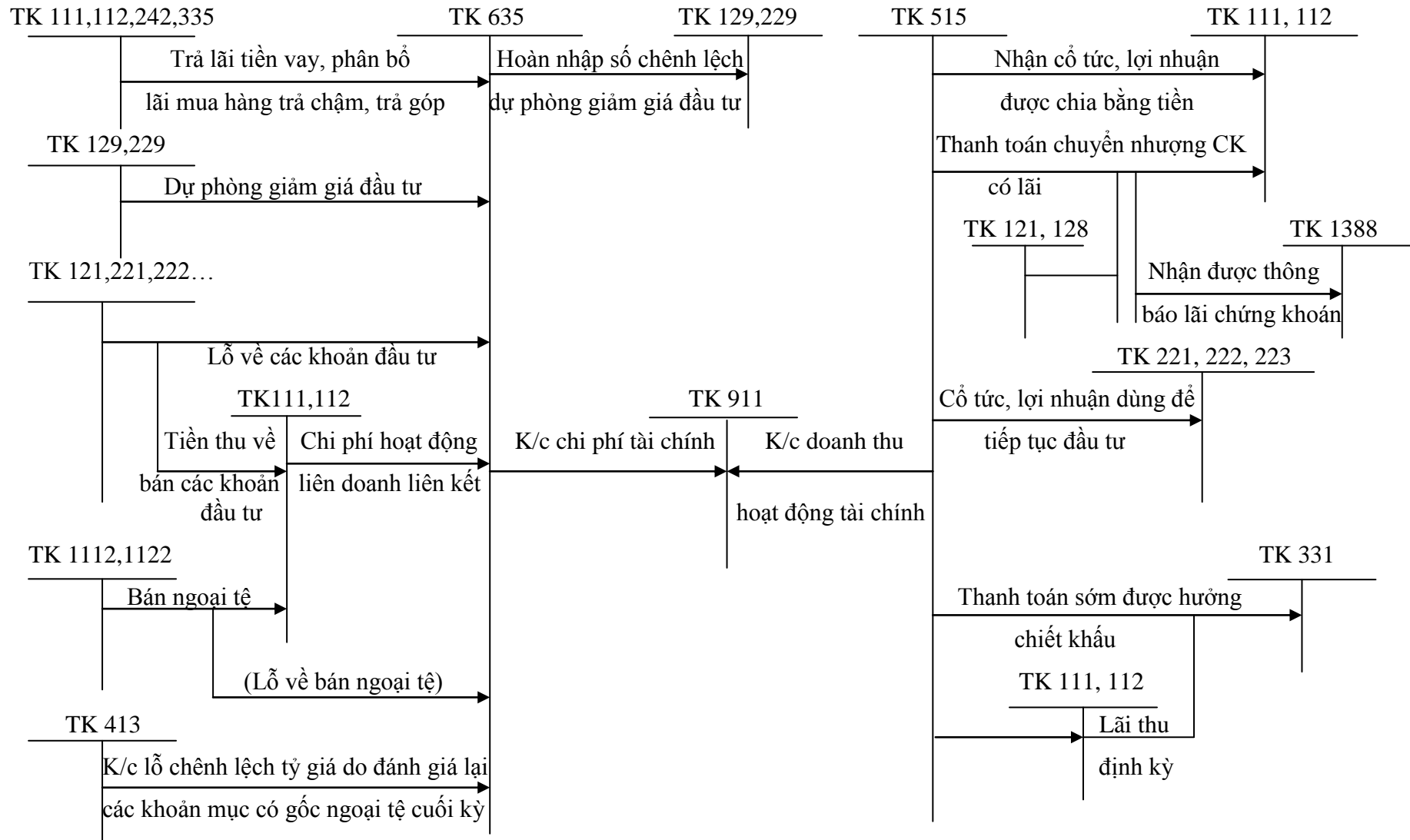
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính vào tài khoản 911.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

**1.3.4.3. Sơ đồ hạch toán :**

**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính**





### **1.3.5. Kế toán hoạt động khác**

#### **1.3.5.1. Chứng từ sử dụng :**

- Hóa đơn giá trị gia tăng.
- Phiếu chi, phiếu thu. Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi.
- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ.
- Hợp đồng kinh tế.

#### **1.3.5.2. Tài khoản sử dụng :**

##### **+ Tài khoản 711: Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu của TK 711:

##### ➤ **Bên nợ :**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Kết chuyển các khoản thu nhập khác vào tài khoản 911.

##### ➤ **Bên có :**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

##### **+ Tài khoản 811: Chi phí khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

Kết cấu của TK 811:

##### ➤ **Bên nợ :**

- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.

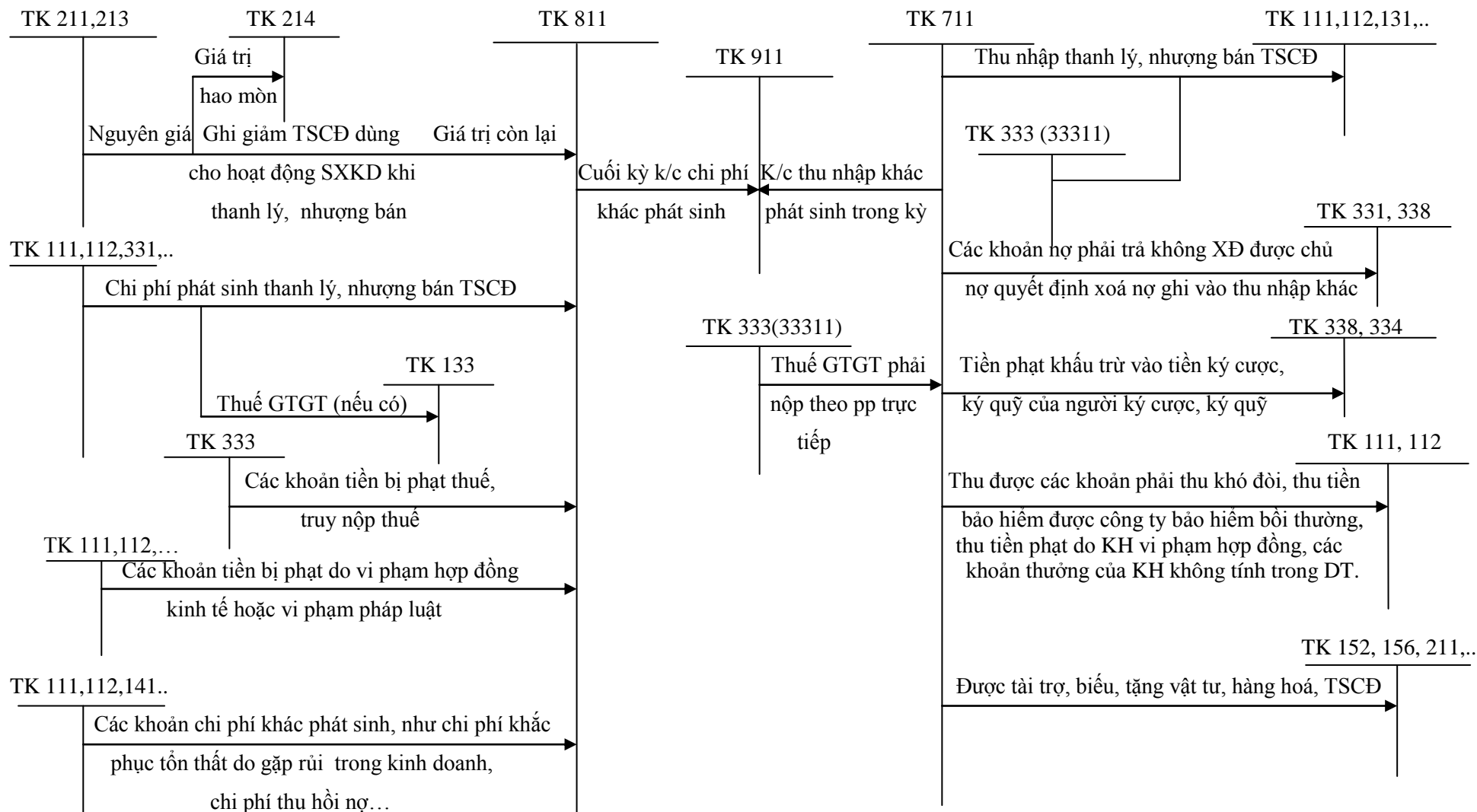
##### ➤ **Bên có :**

- Kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

**1.3.5.3. Sơ đồ hạch toán :**

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**



### **1.3.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **1.3.6.1. Chứng từ sử dụng :**

- Phiếu kế toán, sổ kế toán.

#### **1.3.6.2. Tài khoản sử dụng :**

##### ***Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp***

Kết cấu của TK 821:

##### **➤ Bên nợ :**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu.
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.
- K/c chênh lệch giữa số PS bên Có TK 8212 lớn hơn số PS bên Nợ TK 8212 vào bên Có TK 911.

##### **➤ Bên có:**

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.
- K/c chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911
- K/c chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212.

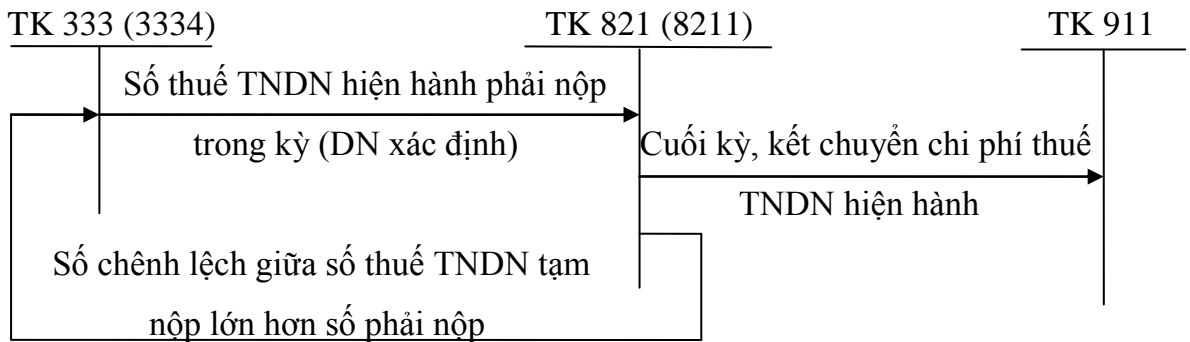
Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

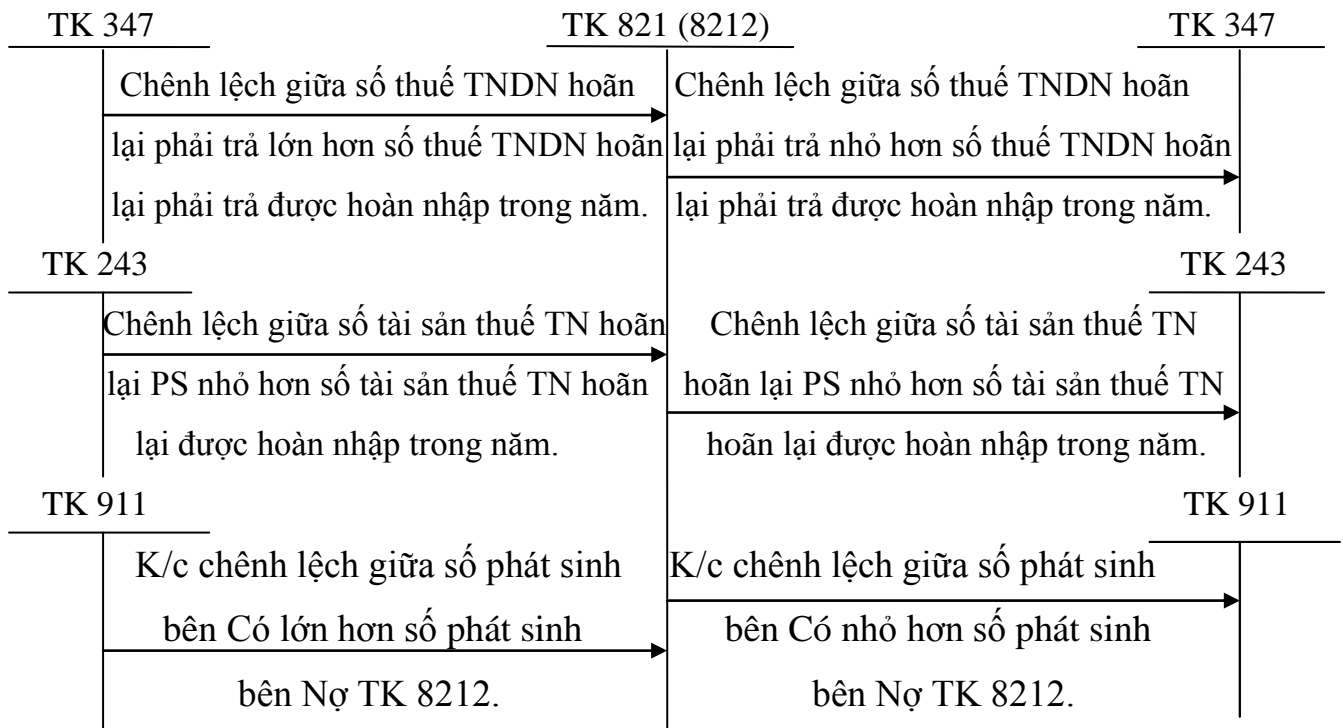
Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2 sau :

- + TK 8211 : Chi phí thuế thu nhập hiện hành
- + TK 8212 : Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

### 1.3.6.3. Sơ đồ hạch toán :



### **Sơ đồ 1.8:** Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



### **Sơ đồ 1.9:** Sơ đồ hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

### 1.3.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.3.7.1. Chứng từ sử dụng :

- Phiếu kế toán kết chuyên.

#### 1.3.7.2. Tài khoản sử dụng :

##### **Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu của TK 911:

##### ➤ **Bên nợ :**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

##### ➤ **Bên có :**

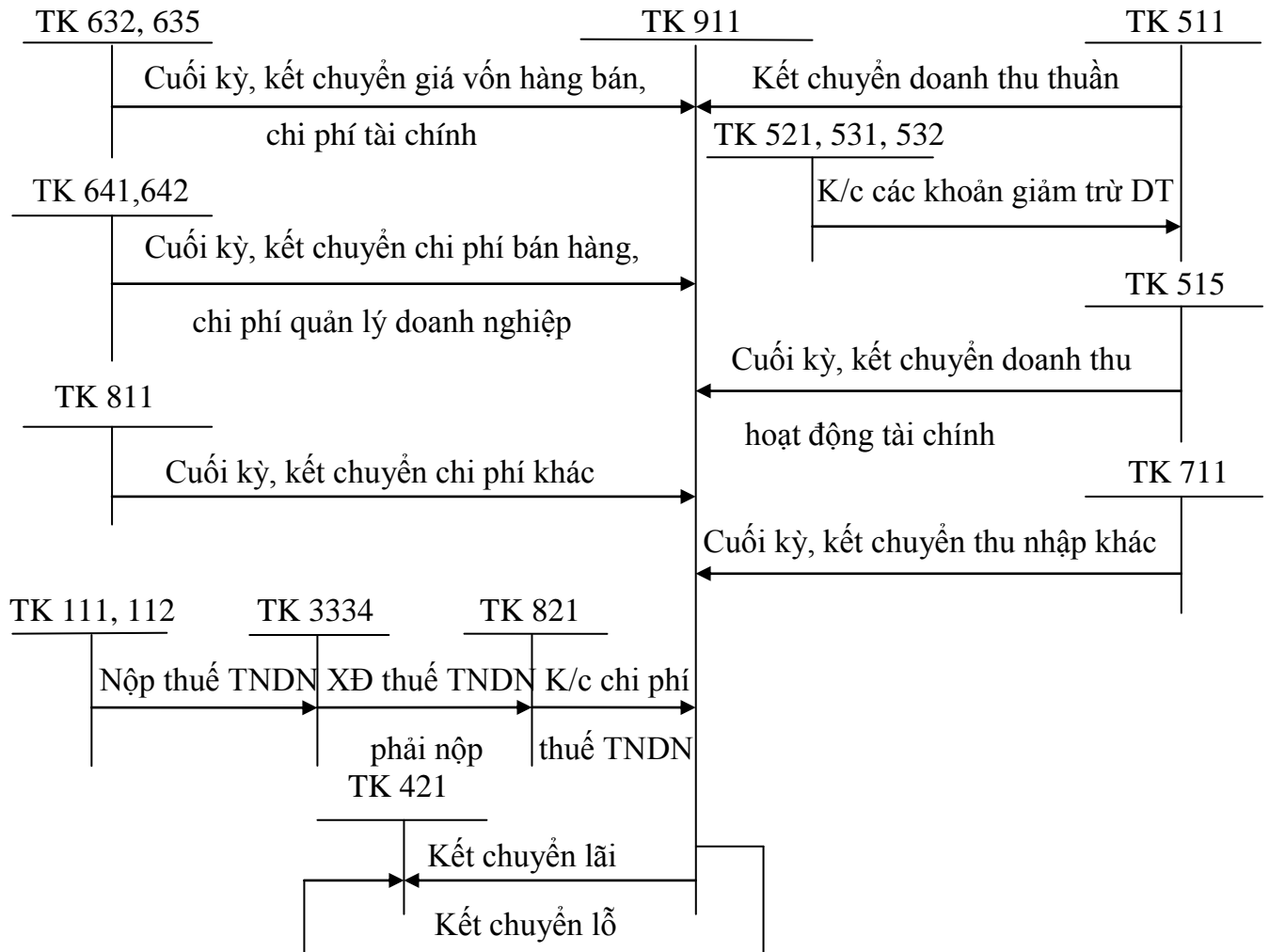
- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

#### 1.3.7.3. Sơ đồ hạch toán :

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ sau:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



**Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

### **1.4. Tổ chức vận dụng các hình thức, sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

#### **1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ**

##### **1.4.1.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản :**

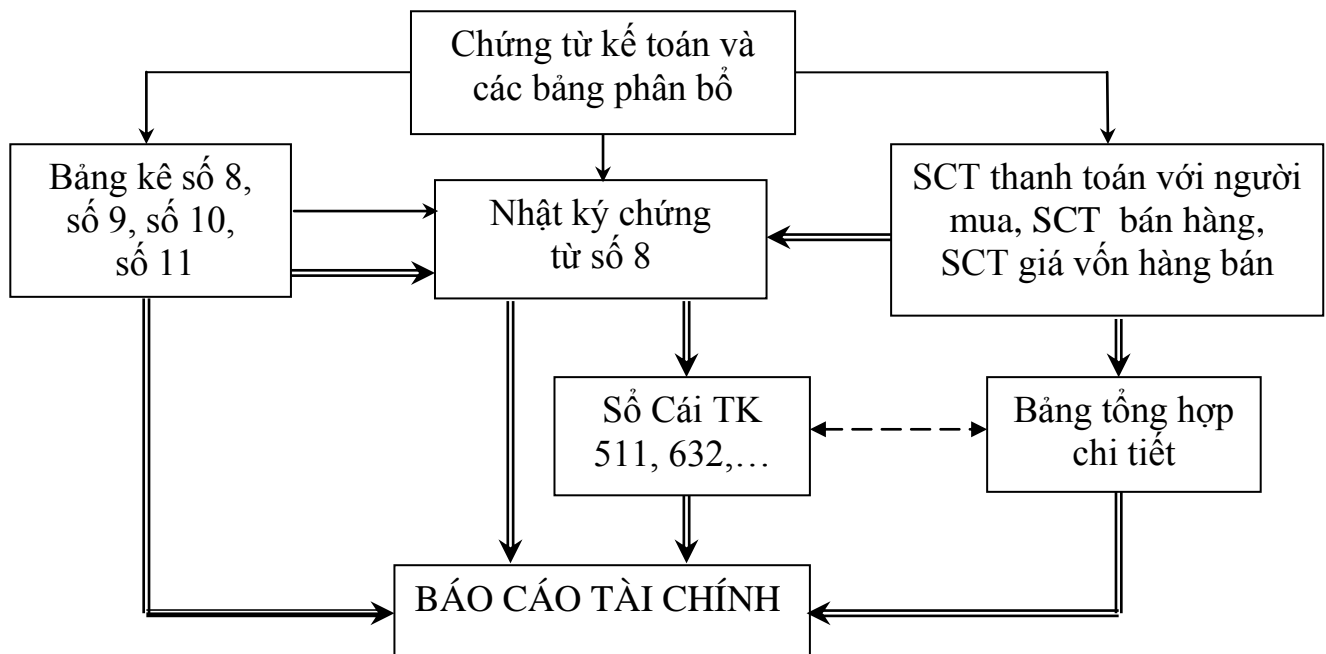
- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

**1.4.1.2. Các loại sổ :** Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**1.4.1.3. Trình tự ghi sổ kế toán :**



**Sơ đồ 1.11:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ

**Ghi chú:**   
→ Ghi hàng ngày  
⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)  
⇄ Đôi chiếu, kiểm tra

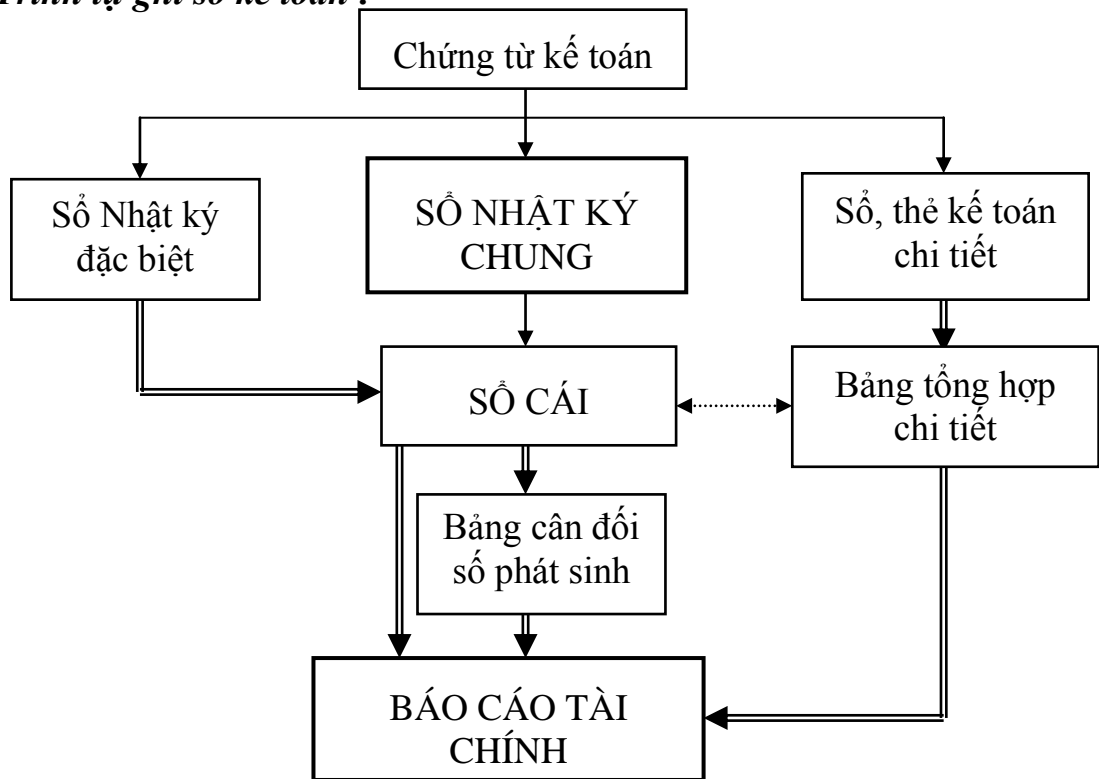
## 1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký chung

### 1.4.2.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản :

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các Sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

**1.4.2.2. Các loại sổ :** Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**1.4.2.3. Trình tự ghi sổ kế toán :**



**Sơ đồ 1.12:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

**Ghi chú:**   
→ Ghi hàng ngày  
⇒ Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)  
⇄ Đối chiếu, kiểm tra

### 1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

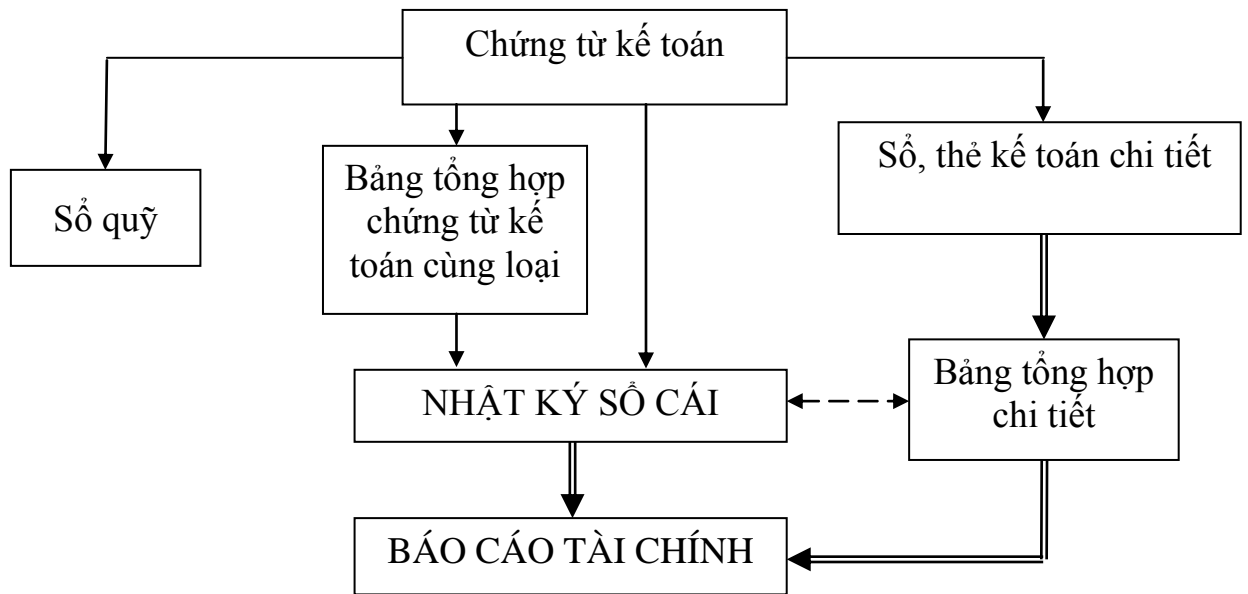
#### 1.4.3.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản :

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng chứng từ kế toán cùng loại.

**1.4.3.2. Các loại sổ :** Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.



**1.4.3.3. Trình tự ghi sổ kế toán :**



**Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**

**Ghi chú:**  $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày  
 $\Longrightarrow$  Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)  
 $\longleftrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra

**1.4.4. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

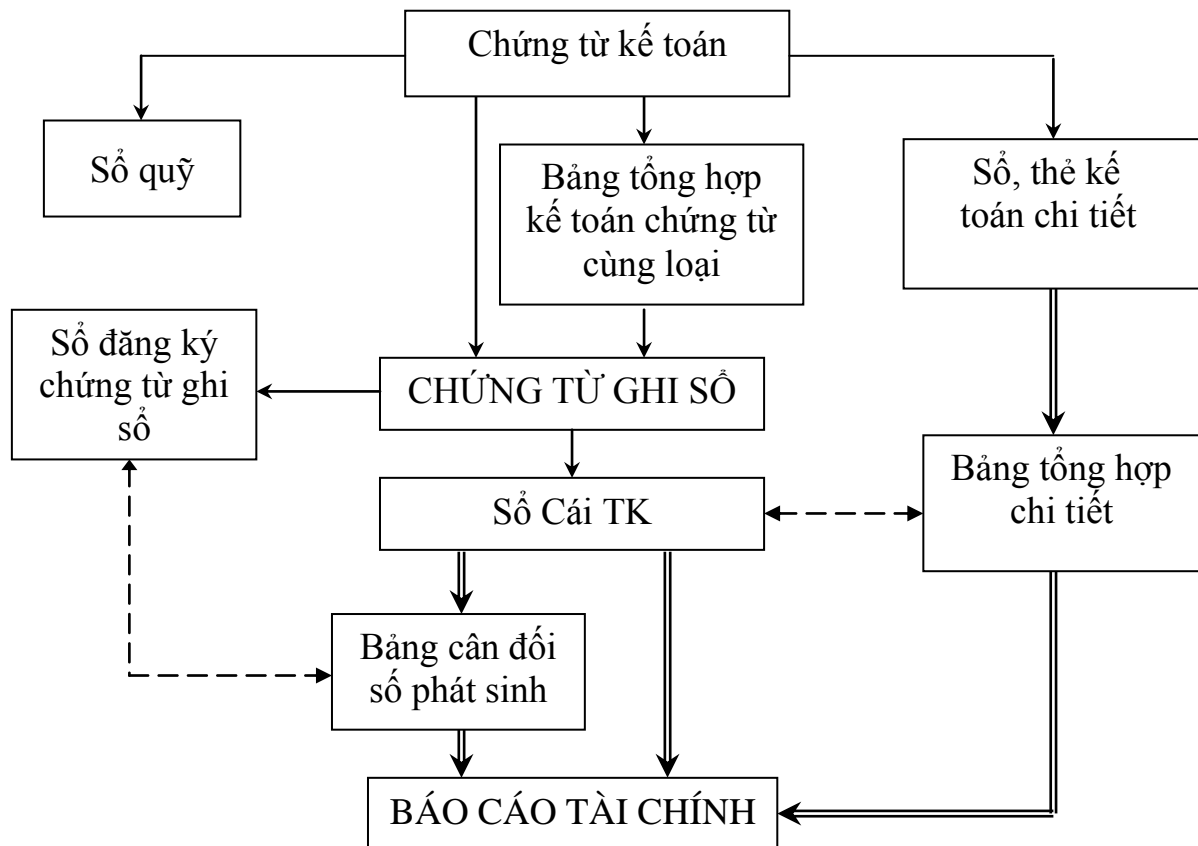
**1.4.4.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản :**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm :

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

**1.4.4.2. Các loại sổ :** Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**1.4.4.3. Trình tự ghi sổ kế toán :**



**Sơ đồ 1.14:** *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ*

**Ghi chú:**   
 —————> Ghi hàng ngày   
 =====> Ghi định kỳ (cuối tháng, quý, năm)   
 <-----> Đối chiếu, kiểm tra

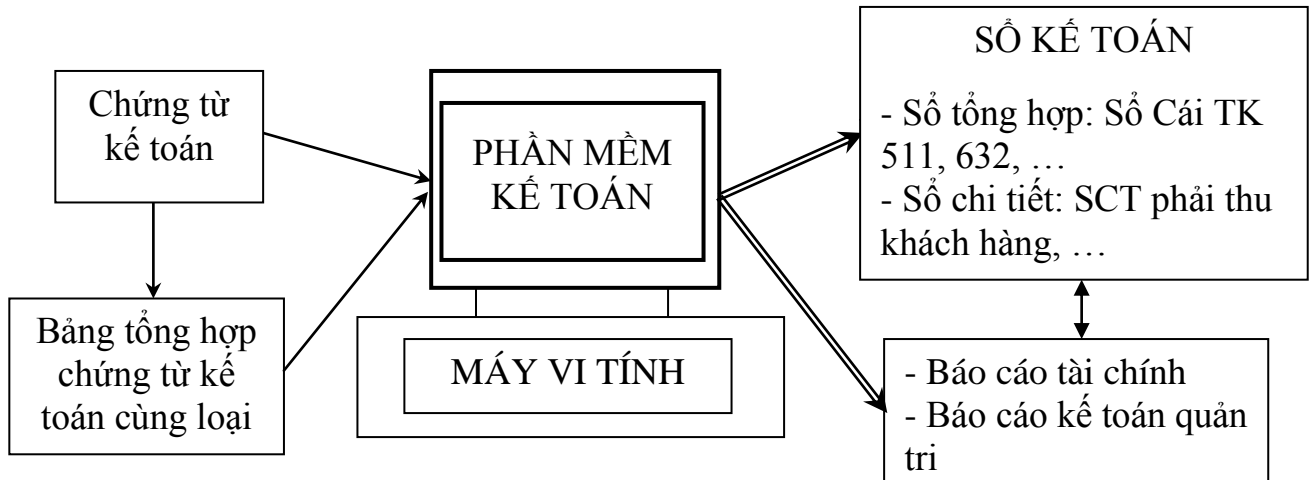
**1.4.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính**

**1.4.5.1. Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản :**

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

**1.4.5.2. Các loại sổ :** Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

**1.4.5.3. Trình tự ghi sổ kế toán :**



**Sơ đồ 1.15:** *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính*

**Ghi chú:**  $\longrightarrow$  Nhập số liệu hàng ngày  
 $\Longrightarrow$  In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm  
 $\longleftrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra

**CHƯƠNG II : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

**2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân**

**2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Hàng Hải Vạn Xuân**

***2.1.1.1. Giới thiệu về công ty Cổ Phần Hàng Hải Vạn Xuân***

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**
- Tên tiếng anh : **VAN XUAN MARITIME JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **VAMARCO.SJC**
- Loại hình công ty : Công ty cổ phần
- Địa chỉ : Số 341 - Đà Nẵng, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Người đại diện : Ngô Sỹ Thìn
- Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân được thành lập năm 2006. Theo giấy phép kinh doanh số 0203002330 cấp lần 1 vào ngày 30/05/2006, cấp lại lần 2 vào ngày 16/01/2009. Công ty Vamarco là Công ty cổ phần tuy nhiên chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Vốn điều lệ : 680.000.000 đồng Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cung ứng và đào tạo thuyền viên.
- Qua 5 năm hoạt động công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường, với lĩnh vực kinh doanh trên đã đem lại cho công ty nhiều lợi nhuận.

***2.1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển***

Với lịch sử gần 5 năm xây dựng và phát triển trong lĩnh vực vận tải biển và cung ứng thuyền viên, khai thác tàu... Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân được coi là doanh nghiệp có uy tín trong ngành hàng hải trong việc cung ứng thuyền viên cho 1 số hãng tàu lớn có uy tín trong nước như: Vosco, Vinalines, Vinashinline, Hoàng Sơn, Inlaco Hải Phòng, Inlaco Sài Gòn, ITC, Bình Minh....

Mặc dù chỉ có 5 năm hoạt động trong lĩnh vực này, nhưng Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân đã phát triển khởi điểm từ 1 đội tàu tới nay đã lên tới trên 30 đội tàu được các chủ tàu lớn ký hợp đồng cung ứng thuyền viên dài hạn.

Trong giai đoạn thị trường vận tải biển hiện nay đang gặp nhiều khó khăn do chịu tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên việc mở rộng thị trường thuyền viên và mở rộng tuyến hoạt động dịch vụ vận tải biển của Công ty vẫn đang gặp một số khó khăn.

### **2.1.2. Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.**

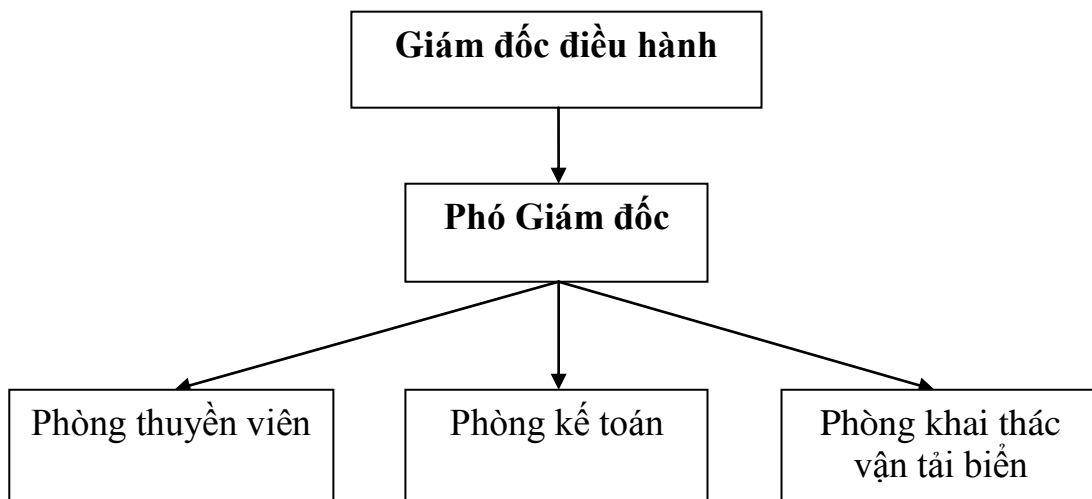
Với đăng ký kinh doanh rất nhiều ngành nghề, nhưng hiện nay Công ty chỉ tập trung phát triển mảng cung ứng thuyền viên cho các hãng tàu của Việt Nam.

Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân có tổng số lao động là 264 người. Với đặc điểm ngành hàng hải, lao động được phân công chức năng nhiệm vụ cụ thể :

\* *Bộ phận làm việc trên bờ*: 14 cán bộ nhân viên làm công tác quản lý, khai thác và điều động tàu, điều động thuyền viên.

\* *Bộ phận làm việc trên biển*: 250 Sĩ quan, thuyền viên lao động trên biển tại các tàu của một số hãng tàu lớn ở Việt Nam

#### **2.1.2.1. Bộ máy tổ chức quản lý trên bờ**



**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý trên bờ**

➤ Chức năng của từng bộ phận:

\* ***Giám đốc điều hành:***

Là người đứng đầu Công ty, chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch hàng năm của công ty. Xây dựng phương án đầu tư phát triển, phương án tổ chức kinh doanh, tổ chức bộ máy. Quy hoạch cán bộ, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên, thuyền viên, sỹ quan... Duyệt kế hoạch về tuyển dụng lao động, biên chế bộ máy quản lý của các đơn vị. Chỉ đạo, giám sát các hoạt động kinh doanh.

**\* Phó giám đốc:**

Có nhiệm vụ tổ chức điều hành kinh doanh theo tiến độ, kế hoạch đặt ra. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc trong hoạt động của Công ty, thực hiện các hợp đồng. Xây dựng các quy định, nội quy và giải quyết các hiện tượng phát sinh gây ách tắc trong quá trình sản xuất kinh doanh. Có quyền đình chỉ công việc đối với những người vi phạm nghiêm trọng nội quy, quy chế trong công việc.

**\* Phòng thuyền viên:**

- Phụ trách công tác quản lý thuyền viên của Công ty: gồm tuyển dụng và đào tạo, huấn luyện, điều động và thuê thuyền viên.

- Theo dõi đánh giá chất lượng thuyền viên để giải quyết các chế độ về lương, khen thưởng, kỷ luật và các công tác khác gắn liền với thuyền viên. Theo dõi đánh giá năng lực thuyền viên làm việc trên các tàu đảm bảo đáp ứng yêu cầu của bộ luật STCW 78/95.

- Tổ chức xây dựng quy chế quản lý nghiệp vụ thống nhất như: quy trình thuê thuyền viên, quy trình đào tạo, điều động, đánh giá chất lượng, chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ... phục vụ cho công tác quản lý thuyền viên của Công ty.

- Kiểm tra sự đầy đủ, phù hợp của các chứng chỉ chuyên môn, bằng cấp của mỗi thuyền viên theo yêu cầu của luật pháp Hàng Hải Việt Nam và Luật Hàng Hải quốc tế.

**\* Phòng kế toán:** Có nhiệm vụ lập kế hoạch tài chính hàng năm, thực hiện các quy định của Nhà nước trong việc khai báo, nộp thuế, hay thực hiện thanh toán đúng hạn, thu hồi vốn, thực hiện ghi chép, phân tích các hoạt động tài chính.

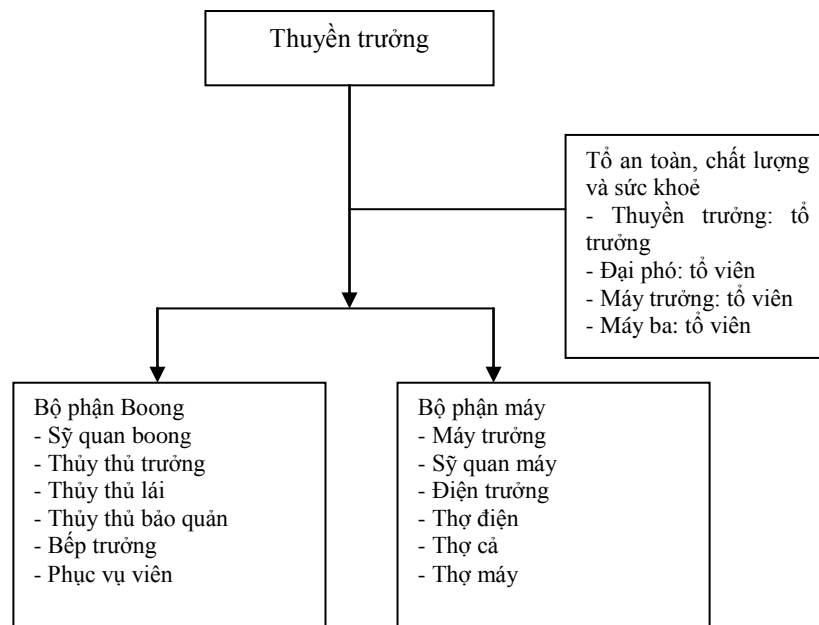
**\* Phòng khai thác vận tải :** Có nhiệm vụ :

- Nghiên cứu, thu thập, tổng hợp các thông tin về chính sách và các văn bản pháp quy trong và ngoài nước để tạo dựng các mối quan hệ kinh doanh trước mắt và lâu dài gắn với chiến lược phát triển của công ty. Lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn.

- Nghiên cứu nhu cầu thị trường để nắm bắt, tham mưu, định hướng cho Công ty. Lập và theo dõi, đôn đốc, giải quyết vướng mắc, hướng dẫn khách hàng làm thủ tục thực hiện hợp đồng hàng hoá hay hợp đồng môi giới vận tải, xuất, nhập khẩu của công ty.

- Ngoài ra còn thực hiện các hợp đồng trực tiếp hoặc uỷ thác vật tư, thiết bị, hàng hoá... phục vụ cho kinh doanh theo chỉ đạo của Giám đốc.

### **2.1.2.2. Về bộ máy tổ chức thuyền viên trên biển**



**Sơ đồ 2.2: Bộ máy tổ chức thuyền viên trên biển**

➤ Quyền hạn và trách nhiệm của các bộ phận trên là Thực hiện nhiệm vụ tuân thủ chức trách thuyền viên ghi trong điều lệ thuyền viên làm việc trên biển phù hợp với từng chức danh.

### **2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty**

Áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Sở dĩ công ty chọn hình thức này xử lý cung cấp thông tin một cách kịp thời. Mặt khác phòng kế toán của

công ty với đội ngũ nhân sự trẻ, năng động, có trình độ chuyên môn cao.

Phòng kế toán của công ty đã thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ thu nhận ghi sổ, xử lý thông tin, các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính của công ty.

Phòng kế toán của công ty hiện có 04 người. Công ty có kết nối internet nhằm giúp cán bộ công nhân viên trong công ty liên lạc cập nhật tình hình tài chính - kinh tế, cũng như nâng cao các kiến thức pháp luật và chuyên môn. Hệ thống mạng nội bộ còn giúp các cán bộ công nhân viên trong công ty liên hệ với nhau thuận tiện, nhanh chóng. Phòng kế toán bao gồm:

+ **Kế toán trưởng**: Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, là kế toán tổng hợp, chịu trách nhiệm trước giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp.

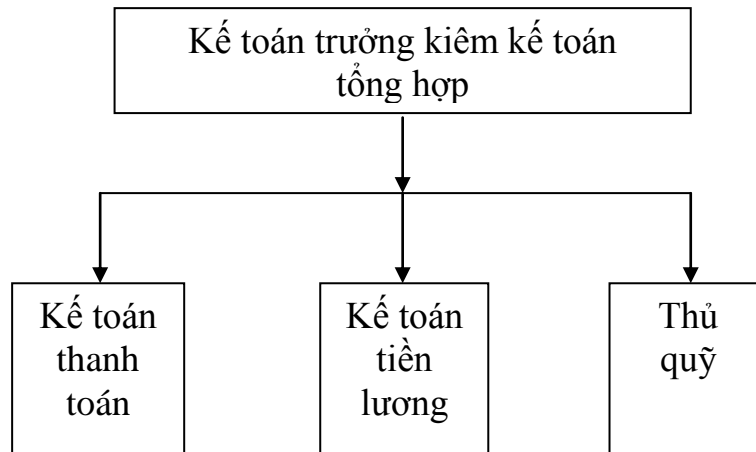
+ **Kế toán thanh toán**: Là người phụ trách về mảng công nợ khách hàng và nhà cung cấp, theo dõi chủ yếu TK 131 và thực hiện công việc đề nghị thanh toán trong hạn thanh toán để giám đốc duyệt chi thanh toán.

+ **Kế toán tiền lương**: Có nhiệm vụ theo dõi việc trả lương và thanh toán số lương phải trả cho từng người trên cơ sở tiền lương thực tế, tỷ lệ phần trăm theo quy định và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN.

+ **Thủ quỹ**: Theo dõi tình hình thu chi và quản lý tiền mặt căn cứ vào các chứng từ hợp pháp, hợp lệ để tiến hành xuất, nhập quỹ và ghi chép sổ quỹ. Thủ quỹ hàng ngày còn phải lập báo cáo thu chi tồn quỹ.



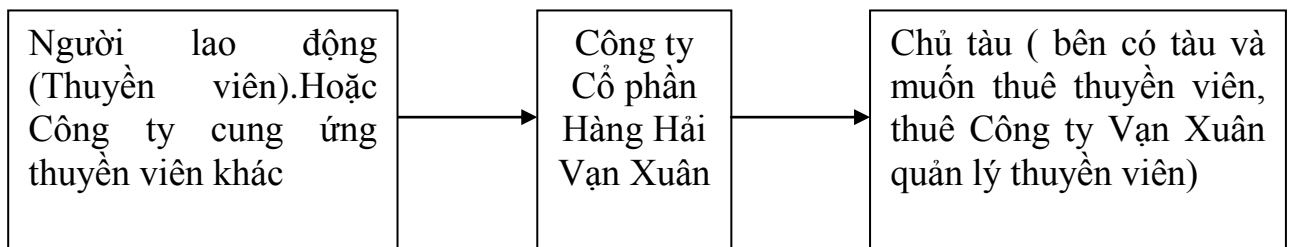
Bộ máy kế toán của công ty có thể được biểu hiện bằng sơ đồ sau:



**Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**

#### 2.1.4. Chức năng, phương thức hoạt động của Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân

Phương thức hoạt động của Công ty về lĩnh vực cung ứng thuyền viên:



**Sơ đồ 2.4: Phương thức hoạt động**

Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân có trách nhiệm tuyển thuyền viên, đào tạo đội ngũ Sĩ quan, thuyền viên sao cho đáp ứng được yêu cầu của chủ tàu. Đồng thời ký hợp đồng lao động với thuyền viên.

Chủ tàu là những doanh nghiệp có tàu, có nhu cầu thuyền viên, sẽ ký hợp đồng với bên cung ứng thuyền viên khác như Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân để cung ứng và quản lý thuyền viên cho họ.

Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân sau khi tuyển dụng và đào tạo thêm về nghiệp vụ chuyên môn của Sĩ quan thuyền viên thì lập bản Crew Card gửi sang chủ tàu. Crew Card là văn bản giới thiệu toàn bộ về bản thân gia đình, quá trình đi biển, khả năng chuyên môn, giấy tờ có liên quan tới việc đi biển, các văn bằng chứng chỉ khác...

Khi chủ tàu nhận được bản Crew Card, chủ tàu sẽ quyết định phỏng vấn trực tiếp thuyền viên đó hay không. Sau khi phỏng vấn trực tiếp, nếu thuyền viên đó đáp ứng được yêu cầu của họ thì sẽ tiến hành thay thế người bằng lệnh điều động xuống tàu. Đồng thời họ ký hợp đồng cung ứng thuyền viên với Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân và hàng tháng sẽ chuyển phí quản lý và lương của đội ngũ thuyền viên về tài khoản ngân hàng của Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân.

### **2.1.5. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán của công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân**

- Niên độ kế toán là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.

- Chế độ kế toán áp dụng : công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 đã được sửa đổi của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác : các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

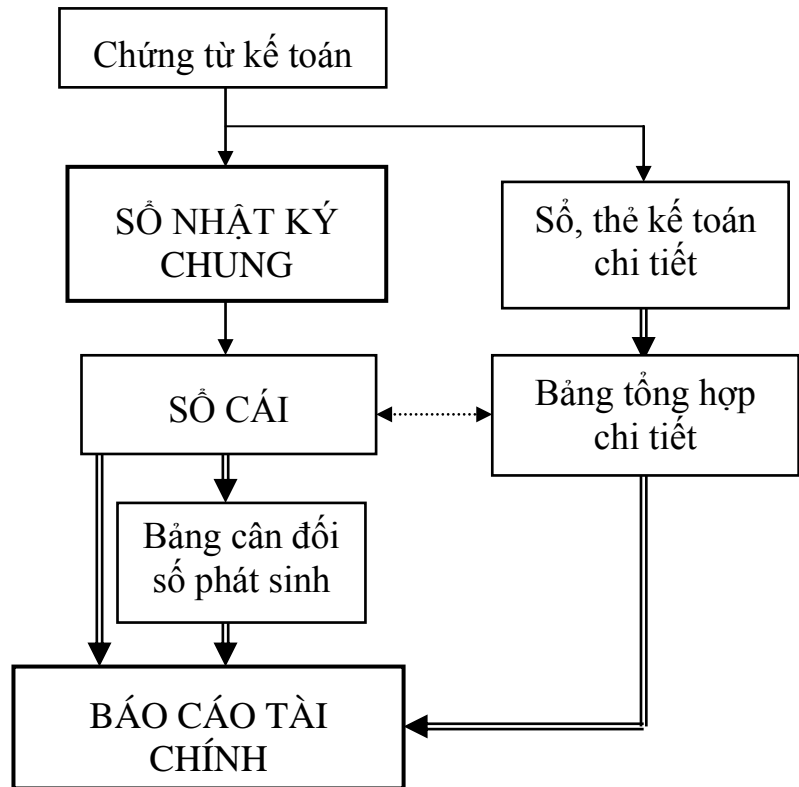
- Công ty thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế.

- Hình thức kế toán áp dụng : Hiện nay Công ty đang áp dụng hệ thống sổ kế toán với hình thức nhật ký chung.

+ Sổ sách sử dụng :

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Sổ chi tiết và bảng tổng hợp chi tiết

+Trình tự luân chuyển :



**Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

- Ghi chú:  $\longrightarrow$  Ghi hàng ngày  
 $\Longrightarrow$  Ghi định kỳ (cuối tháng, quý năm)  
 $\longleftrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra

## **2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm kinh doanh của công ty**

Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ là bộ phận kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của Công ty Cổ phần Hàng hải Vạn Xuân. Nó là yếu tố then chốt và làm căn cứ để các hoạt động phân tích về tình hình thực tế và thấy được khả năng kinh doanh của doanh nghiệp trên thương trường cạnh tranh ác liệt. Nhiệm vụ của kế toán cung cấp dịch vụ là theo dõi doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty.

Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ được thông tin một cách chính xác cho các bộ phận để có biện pháp xử lý và thay đổi chiến lược kinh doanh, cung cấp số

liệu cho kế toán tổng hợp và kế toán khác để xác định được kết quả kinh doanh chi tiết một cách chính xác nhất.

Phương thức thanh toán chủ yếu thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, Công ty cho thanh toán trong thời gian nhất định đã được thỏa thuận.

**2.2.1.2. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng**

+ Hoá đơn GTGT (Hóa đơn cung cấp dịch vụ) . Công ty chỉ sử dụng một loại hoá đơn duy nhất là hoá đơn giá trị gia tăng theo mẫu số 01 – BTC.

*Hoá đơn GTGT do phòng kinh doanh lập thành 3 liên :*

Liên 1 : Màu tím lưu tại cuống.

Liên 2 : Màu đỏ giao cho khách hàng.

Liên 3 : Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Trên hoá đơn ghi đầy đủ mã số thuế, tên khách hàng, địa chỉ khách hàng, hình thức thanh toán và đầy đủ chữ ký.

+ Phiếu thu

+ Sổ phụ ngân hàng, giấy báo Có.

+ Các chứng từ khác có liên quan...

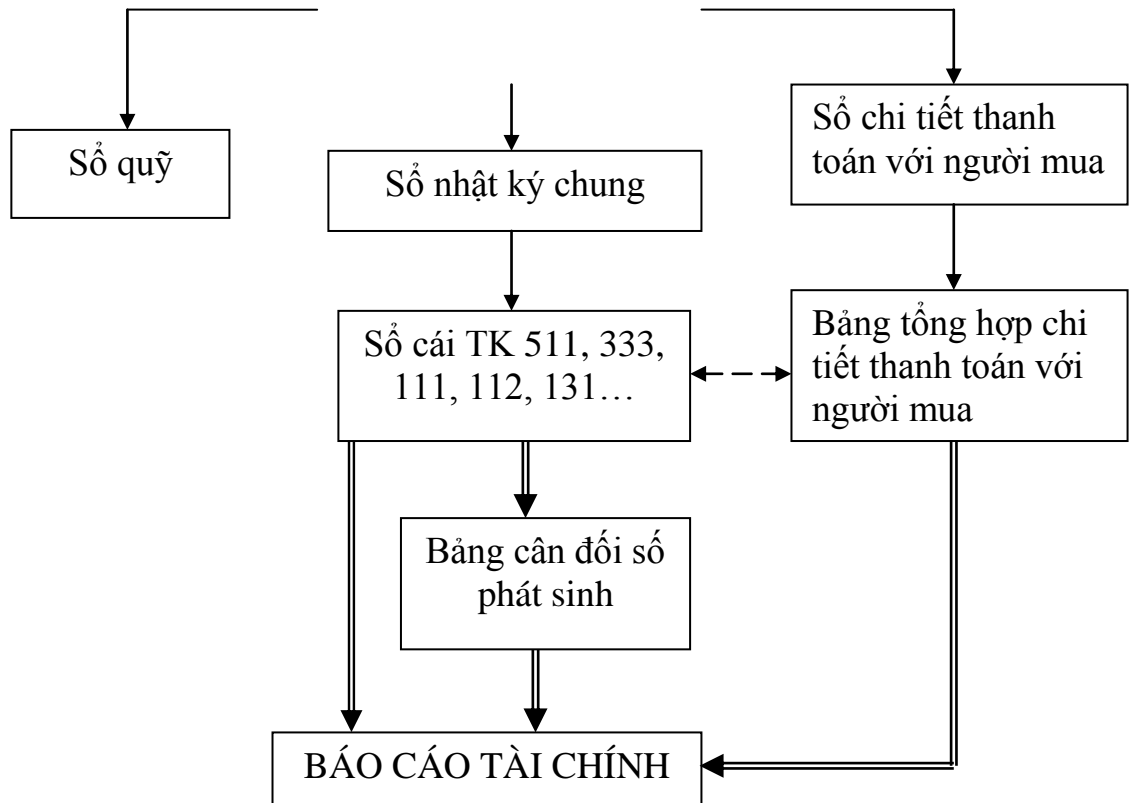
**2.2.1.3. Tài khoản sử dụng**

- Công ty sử dụng : Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, tài khoản cấp 2 : 5113 : “Doanh thu cung cấp dịch vụ”

- Ngoài ra còn có các tài khoản liên quan : TK 111- Tiền mặt, TK 112- Tiền gửi ngân hàng, TK 333- Thuế GTGT đầu ra phải nộp, TK 131- Phải thu của khách hàng.....

**2.2.1.4. Quy trình luân chuyển chứng từ**

Hóa đơn GTGT cung cấp dịch vụ, phiếu thu, giấy báo Có...
--



**Sơ đồ 2.6:** Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ

Chú thích:

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra:  $\longleftrightarrow$

### 2.2.1.5. Ví dụ minh họa :

➤ **Ví dụ 1 :** Ngày 21/12/2011 : Công ty cung ứng thuyền viên cho công ty Vận tải biển Vinaline, tổng số tiền phí cung ứng thuyền viên: 40.200.000 VNĐ ( đã bao gồm thuế GTGT 10%). Khách hàng sẽ chuyển khoản, thanh toán tiền sau.

Kế toán tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 131 : 40.200.000

Có TK 5113: 36.545.455

Có TK 3331: 3.654.545

Kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT tiến hành theo dõi các khoản nợ phải thu trên sổ chi tiết TK 131 (Biểu số 2.5), sau đó tiến hành ghi sổ NKC (Biểu số 2.7), sổ



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

### PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 47

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Phải thu phí cung ứng thuyền viên của Công ty Vận tải biển Vinaline	131	5113	36.545.455
		131	3331	3.654.545
	<b>Tổng cộng</b>			<b>40.200.000</b>

Viết bằng chữ : *Bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.*

Người lập phiếu  
(Ký, Họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, Họ tên)

➤ **Ví dụ 2 :** Ngày 26/12/2011 : Công ty cung ứng thuyền viên cho công ty Cổ phần Vận tải biển Quốc tế Bình Minh, tổng số tiền thanh toán là 15.000.000 VNĐ (thuế GTGT 10%), thu ngay bằng tiền mặt.

Kế toán tiến hành định khoản như sau:

Nợ TK 111 : 15.000.000

Có TK 5113: 13.636.364

Có TK 3331: 1.363.636





## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Kế toán viết phiếu thu (Biểu số 2.4), sau đó tiến hành ghi sổ NKC (Biểu số 2.7), sổ Cái TK 511(Biểu số 2.8), sổ cái TK 111 (Biểu số 2.10).

### Biểu số 2.4 : Phiếu thu

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **01- TT**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng,Ngô Quyền,Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### PHIẾU THU

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Số : 104

NỢ : 1111

CÓ : 5113, 3331

Họ,tên người nộp tiền: Nguyễn Xuân Hoàng

Địa chỉ : Công ty Cổ phần Vận tải biển Quốc tế Bình Minh

Lý do thu : Phí cung ứng thuyền viên

Số tiền: **15.000.000**

(Viết bằng chữ) : **Mười lăm triệu đồng chẵn.**

Kèm theo : 01 Hóa đơn GTGT

Chứng từ gốc : Số 0000249

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nộp tiền</b>
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

*Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Mười lăm triệu đồng chẵn.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.5: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Mẫu số: S13 - DNN

Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho TK: 131, 331)

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty Vận tải biển Vinaline

Loại tiền: VNĐ

Tháng 12 năm 2011

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	2	3	4	5
			<b>SĐĐK</b>				<b><u>269.600.000</u></b>	
			<b>SFS</b>					
14/12	PT 96	14/12	Công ty VTB Vinaline thanh toán nợ	111		6.500.000	263.100.000	
21/12	HĐ0000247 PKT 48	21/12	Phí cung ứng thuyền viên	511	36.545.455		299.645.455	
			Thuế GTGT đầu ra	3331	3.654.545		303.300.000	
			<b>Cộng SFS</b>		<b>40.200.000</b>	<b>6.500.000</b>		
			<b>SDCK</b>				<b><u>303.300.000</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 2.6: Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

### **BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu tháng		Số phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty VTB Vinaline	269.600.000		40.200.000	6.500.000	303.300.000	
2	Công ty CP VTB Quốc tế Bình Minh	200.100.000		39.000.000	39.000.000	200.100.000	
3	Công ty CP VTB và Hợp tác lao động Quốc tế	2.500.000		2.000.000	1.500.000	3.000.000	
	<b>Tổng</b>	<b><u>472.200.000</u></b>		<b><u>81.200.000</u></b>	<b><u>47.000.000</u></b>	<b><u>506.400.000</u></b>	-

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.7: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **S03a - DNN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT đồng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
21/12	HD00002 47 PKT 48	21/12	Phí cung ứng thuyền viên công ty Vận tải biển Vinaline			131 5113 3331	40.200.000	36.545.455 3.654.545
23/12	HD00002 48 PKT 49	23/12	Phí cung ứng thuyền viên công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh			131 5113 3331	39.000.000	35.454.545 3.545.455
26/12	HD00002 49 PT 104	26/12	Phí dịch vụ cung ứng thuyền viên công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh			111 5113 3331	15.000.000	13.636.364 1.363.636
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
30/12	HD00002 51	30/12	Phí cung ứng thuyền viên tàu Sunrise			131 5113 3331	2.000.000	1.818.182 181.818
31/12	HD00002 52 PT 106	31/12	Phí cung ứng thuyền viên công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh			111 5113 3331	642.857	584.416 58.441
31/12	PKT 52	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV sang TK 911			511 911	264.116.886	264.116.886
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
			<b>Tổng cộng</b>				<b>15.354.901.570</b>	<b>15.354.901.570</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.8: Sổ cái TK 511

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Số hiệu: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>SFS</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
21/12	HĐ0000 247 PKT 48	21/12	Phí cung ứng thuyền viên cho công ty Vận tải biển Vinaline	131		36.545.455
23/12	HĐ0000 248 PKT 49	23/12	Phí cung ứng thuyền viên cho công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh	131		35.454.545
26/12	HĐ0000 249 PT 104	26/12	Phí dịch vụ cung ứng thuyền viên công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh	111		13.636.364
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 52	31/12	Kết chuyển doanh thu Quý IV sang TK 911	911	264.116.886	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.056.467.544</b>	<b>1.056.467.544</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.9: Sổ cái TK 131

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Số hiệu: 131

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ		-	
			SFS			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
21/12	HD00 00247 PKT48	21/12	Phí cung ứng thuyền viên cho công ty Vận tải biển Vinaline	5113 3331	36.545.455 3.654.545	
23/12	HD00 00248 PKT49	23/12	Phí cung ứng thuyền viên cho công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh	5113 3331	35.454.545 3.545.455	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/12	HD000 0251	30/12	Phí cung ứng thuyền viên tàu Sunrise	5113 3331	1.818.182 181.818	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>974.400.000</b>	<b>468.000.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b><u>506.400.000</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.10: Sổ cái TK 111

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **S03b - DNN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Số hiệu: 111

Tên tài khoản: Tiền mặt

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ		<b>693.579.657</b>	
			SFS			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
15/11	PTU 15 PC 227	15/11	Tạm ứng tiền đi công tác	141		1.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
21/11	PC 229 HĐ 1946962	21/11	Thanh toán cước viễn thông	642 1331		1.275.583 127.559
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
17/12	PC 237 HĐ 0038095	17/12	Thanh toán cước chuyển phát nhanh	642 1331		284.000 28.400
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
26/12	HĐ 0000249 PT 104	26/12	Phí dịch vụ cung ứng thuyền viên công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh	5113 3331	13.636.364 1.363.636	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	HĐ 0000252 PT 106	31/12	Phí cung ứng thuyền viên công ty CP Vận tải biển Quốc tế Bình Minh	5113 3331	584.416 58.441	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>3.667.714.284</b>	<b>3.692.702.436</b>
			Số dư cuối kỳ		<b>668.591.505</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

## **2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

### **2.2.2.1. Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính**

Vì số vốn ban đầu của Công ty có hạn, trong quá trình hoạt động Công ty lại không tham gia vào các hoạt động đầu tư ngắn hạn, Công ty chỉ có lãi tiền gửi phát sinh tại ngân hàng. Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chính là những khoản lãi liên quan đến hoạt động về vốn của doanh nghiệp.

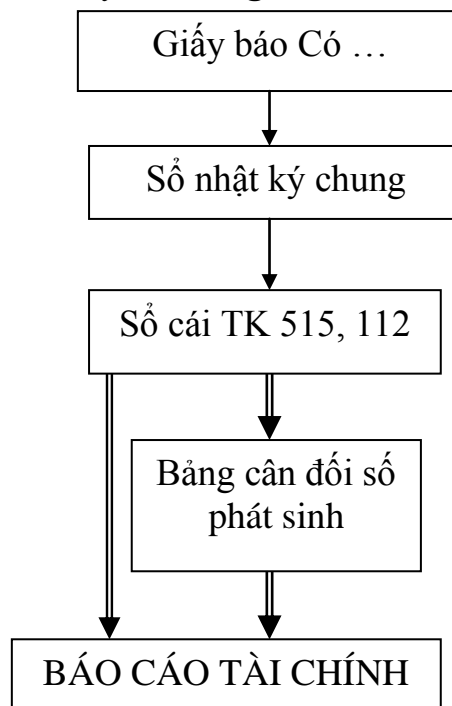
### **2.2.2.2. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng**

- + Sổ phụ
- + Giấy báo Có
- + Sổ NKC
- + Sổ tiền gửi ngân hàng
- + Sổ cái TK 515, 112

### **2.2.2.3. Tài khoản sử dụng**

Công ty sử dụng TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”.

### **2.2.2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ**



**Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Chú thích : Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$   
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 2.2.2.5. Ví dụ minh họa :

Ngày 31/12/2011 : Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Techcombank gửi Sổ phụ (Biểu số 2.11) và Phiếu báo Có (Biểu số 2.12) thông báo Công ty được hưởng một khoản lãi tiền gửi tại Ngân hàng là 15.135 đồng. Số tiền lãi trên được chuyển vào số tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng.

Kế toán hạch toán :

Nợ TK 1121 : 15.135

Có TK 515 : 15.135

### **Biểu số 2.11: Sổ phụ ngân hàng**

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM **TECHCOMBANK**  Số : 061/2012  
HPG - TCB HẢI PHÒNG Giữ trọn niềm tin

### **SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG**

(Ngày 31 tháng 12 năm 2012)

Số tài khoản : 109.2100.0575.00.4

Loại tiền : VND

Loại tài khoản : TIEN GUI THANH TOAN

Khách hàng : CT CP HH VAN XUAN

Số ID khách hàng : 21457321

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có
Số dư đầu ngày				557,695,256.00
31/12/2012	Tra lại số dư trên tài khoản - T12/2012	10921000575004-2012123		15,135.00
31/12/2012	Thuế VAT	10921000575004-2012123	2,000.00	
31/12/2012	Phi quản lý tài khoản	10921000575004-2012123	20,000.00	
Số dư cuối ngày				557,688,391.00

**SỔ PHỤ**

**KIỂM SOÁT**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.12: Phiếu báo Có

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM **TECHCOMBANK**   
Chi nhánh : HPG - TCB HẢI PHÒNG  
MST : 0100230800-004

Giữ trọn niềm tin

Mẫu số : 01GTKT2/004  
Ký hiệu : AA/12T  
Số : 161030331101014.030124

## PHIẾU BÁO CÓ

(*Kiểm hóa đơn thu phí dịch vụ*)

*Liên 2 : Giao khách hàng*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Tên khách hàng : CT CP HH VAN XUAN      Số tài khoản : 109.2100.0575.00.4  
Địa chỉ : SO 341 DA NANG-NGO  
QUYEN-HAI PHONG      Loại tiền : VND  
Mã số thuế : 0200672841      Loại tài khoản : TIEN GUI THANH TOAN  
Số ID khách hàng : 21457321      Số bút toán hạch toán : 10921000575004-20121231

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau :

Nội dung	Số tiền
Tra lại tiền gửi	15,135.00
<b>Tổng số tiền</b>	<b>15,135.00</b>

Số tiền bằng chữ : **Mười lăm nghìn một trăm ba lăm đồng.**  
Trích yếu : Tra lại số dư trên tài khoản – tháng 12/2012.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.13: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Mẫu số: S03a - DNN

Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					NỢ	CÓ
....	.....	.....	.....			.....	.....	
31/12	GBC 46	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng T12			1121 515	15.135	15.135
31/12	PKT 52	31/12	Kết chuyển doanh thu hđtc quý IV sang TK 911			515 911	45.405	45.405
.....	.....	.....	.....			.....	.....	
			<b>Tổng cộng</b>				<b>15.354.901.570</b>	<b>15.354.901.570</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.14: Sổ cái TK 515

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Số hiệu: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			SFS			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	GBC 46	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng T12	1121		15.135
31/12	PKT52	31/12	Kết chuyển doanh thu hđtc quý IV sang TK 911	911	45.405	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>181.620</b>	<b>181.620</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.15: Sổ cái TK 112

Đơn vị: CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI

Số hiệu: 112

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ		<b><u>110.170.771</u></b>	
			SFS			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
30/11	PT 89	30/11	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	1111		290.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
24/12	BL GBC 43	24/12	Cty Bình Minh thanh toán nợ và gửi tiền trả lương bằng tiền gửi ngân hàng	131 338	39.000.000 288.300.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	GBC 46	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng T12	515	15.135	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>3.927.781.620</b>	<b>3.480.264.000</b>
			Số dư cuối kỳ		<b><u>557.688.391</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

### **2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### **2.2.3.1. Đặc điểm chi phí quản lý doanh nghiệp :**

Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân là những chi phí cho việc quản lý doanh nghiệp, chi phí lương nhân viên văn phòng, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ và những chi phí khác liên quan đến hoạt động của công ty thực tế phát sinh trong kỳ.

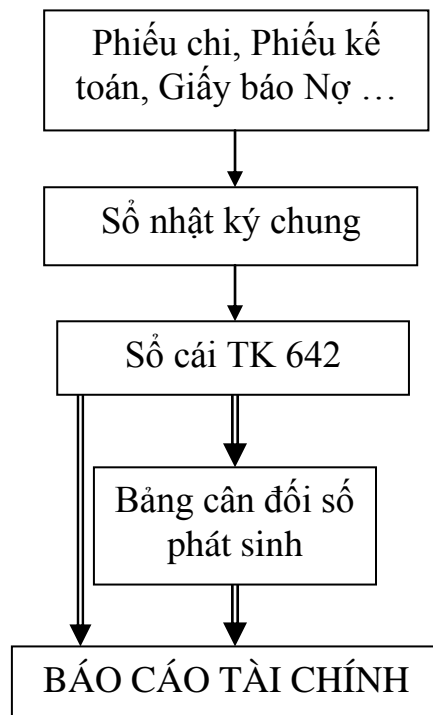
#### **2.2.3.2. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng**

- |                                |                          |
|--------------------------------|--------------------------|
| + Hóa đơn GTGT                 | + Phiếu kế toán          |
| + Bảng chấm công               | + Phiếu chi, Giấy báo Nợ |
| + Bảng thanh toán tiền lương   | + Sổ NKC                 |
| + Bảng kê trích nộp theo lương | + Sổ cái TK 642          |

#### **2.2.3.3. Tài khoản sử dụng**

Công ty sử dụng TK 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

#### **2.2.3.4. Quy trình luân chuyển chứng từ**



#### **Sơ đồ 2.9: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chú thích: Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$   
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

### 2.2.3.5. Ví dụ minh họa :

➤ **Ví dụ 1:** Ngày 21/11/2011: Công ty thanh toán tiền cước viễn thông cho Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel, tổng số tiền thanh toán : 1.403.142 VNĐ, chi bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản bút toán như sau:

Nợ TK 642 : 1.275.583

Nợ TK 1331 : 127.559

Có TK 1111: 1.403.142

Kế toán căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Biểu số 2.16) tiến hành viết Phiếu chi (Biểu số 2.17). Sau đó, kế toán căn cứ vào đó tiến hành ghi sổ NKC, sổ Quỹ, sổ Cái TK 642, sổ Cái TK 111, sổ Cái TK 133.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.16: Hoá đơn GTGT



### HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01GTKT2/002

Ký hiệu: AA/11P

Số: **1946962**

**TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

Thùng số : 00974

Số 1 - Giang Văn Minh - Ba Đình - Hà Nội

MST : 0100109106

Số TK : ..... Tại ngân hàng : .....

Đơn vị thu : Tập đoàn Viễn thông Quân đội

Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân. MST : 0200672841

Tên đơn vị : .....

Địa chỉ: Số 341 Đà Nẵng - Ngô Quyền - Hải Phòng

Số thuê bao .....0983.325389, 0989.185727..... Kỳ cước : .....T11/2011.....

Số hợp đồng : ..... Hình thức thanh toán:.....TM.....

STT	DIỄN GIẢI	MÃ DV	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT (%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	1	2	3 = 1x2	4 = 1+3
	Điện thoại T10/2011	098	469.018	10%	46.902	515.920
		098	806.565	10%	80.657	887.222
<b>CỘNG :</b>						
<b>TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN :</b>						<b>1.403.142</b>
<b>SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ : Một triệu bốn trăm linh ba nghìn một trăm bốn mươi hai đồng.</b>						

Ngày ..... tháng..... năm 20....

Ngày 21 tháng 11 năm 2011

**Người nộp tiền**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Nhân viên giao dịch**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.17: Phiếu chi

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **02- TT**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **PHIẾU CHI**

Ngày 21 tháng 11 năm 2011

Số : 229

NỢ : 642, 1331

CÓ : 1111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Thu

Địa chỉ : Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân

Lý do chi : Cước viễn thông

Số tiền: **1.403.142** (Viết bằng chữ) **Một triệu bốn trăm linh ba nghìn một trăm bốn mươi hai đồng.**

Kèm theo : 01 hóa đơn GTGT

Chứng từ gốc : Số 1946962

Ngày 21 tháng 11 năm 2011

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

*Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ):* **Một triệu bốn trăm linh ba nghìn một trăm bốn mươi hai đồng.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

➤ **Ví dụ 2:** Ngày 28/11/2011: Công ty thanh toán tiền văn phòng phẩm Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Huy, tổng số tiền thanh toán : 681.945 đồng, thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản bút toán như sau:

Nợ TK 642 : 619.950

Nợ TK 1331 : 61.995

Có TK 1111: 681.945



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.19: Phiếu chi

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **02- TT**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **PHIẾU CHI**

Ngày 28 tháng 11 năm 2011

Số : 231

NỢ : 642, 1331

CÓ : 1111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Thu

Địa chỉ : Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân

Lý do chi : Tiền văn phòng phẩm

Số tiền: **681.945** (Viết bằng chữ) **Sáu trăm tám một nghìn chín trăm bốn lăm đồng.**

Kèm theo : 01 hóa đơn GTGT

Chứng từ gốc : Số 0009134

Ngày 28 tháng 11 năm 2011

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

*Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): Sáu trăm tám một nghìn chín trăm bốn lăm đồng.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

➤ **Ví dụ 3:** Ngày 17/12/2011 : Công ty thanh toán cước chuyển phát nhanh bằng tiền mặt cho Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ chuyển phát nhanh Hà Phương, số tiền : 312.400 VNĐ.

Kế toán định khoản bút toán như sau:

Nợ TK 642 : 284.000

Nợ TK 1331 : 28.400

Có TK 1111: 312.400



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.21: Phiếu chi

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **02- TT**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **PHIẾU CHI**

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Số : 237

NỢ : 642, 1331

CÓ : 1111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Thu

Địa chỉ : Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân

Lý do chi : Cước chuyển phát nhanh

Số tiền: **312.400** (Viết bằng chữ) **Ba trăm mười hai nghìn bốn trăm đồng chẵn.**

Kèm theo : 01 hóa đơn GTGT

Chứng từ gốc : Số 0038095

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Thủ quỹ</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Người nhận tiền</b>
(Đã ký tên, đóng dấu)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): **Ba trăm mười hai nghìn bốn trăm đồng chẵn.**

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

➤ **Ví dụ 4:** Ngày 31/12/2011 : Phí quản lý tài khoản tháng 12 năm 2011 Ngân hàng Techcombank, số tiền : 22.000 VNĐ/tháng (thuế VAT 10%).

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 642 : 20.000

Nợ TK 1331 : 2.000

Có TK 1121: 22.000

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào Phiếu báo Nợ ( Biểu số 2.22) của Ngân hàng Techcombank gửi cho Công ty, kế toán tiến hành vào sổ NKC, sổ Cái TK 642, sổ Cái TK 133, sổ Cái TK 112.

### Biểu số 2.22: Phiếu báo Nợ

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM



Mẫu số : 01GTKT2/003

Chi nhánh : HPG - TCB HẢI PHÒNG

Ký hiệu : AA/12T

MST : 0100230800-004

Số : 161030331102076.030098

## PHIẾU BÁO NỢ

(*Kiểm hóa đơn thu phí dịch vụ*)

*Liên 2 : Giao khách hàng*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Tên khách hàng : CT CP HH VAN XUAN  
Địa chỉ : SO 341 DA NANG-NGO QUYEN-  
HAI PHONG

Số tài khoản : 109.2100.0575.00.4

Loại tiền : VND

Mã số thuế : 0200672841

Loại tài khoản : TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán : 10921000575004-

Số ID khách hàng : 21457321

20121231

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau :

Nội dung	Số tiền
Thuế VAT	2,000.00
Phi quản lý tài khoản	20,000.00
<b>Tổng số tiền</b>	<b>22,000.00</b>

Số tiền bằng chữ : **Hai mươi hai nghìn đồng chẵn.**

Trích yếu : Thuế VAT ; Phi quản lý tài khoản.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

➤ **Ví dụ 5:** Trích bảng tổng hợp thanh toán lương văn phòng tháng 12/2011

Lương cơ bản do Giám đốc quy định khi ký hợp đồng lao động đối với từng nhân viên (Áp dụng lương khoán công việc cho từng lao động)

a, Lương phải trả :

Nợ TK 642 : 36.051.200

Có TK 334 : 36.051.200

b, Các khoản trích theo lương :

Nợ TK 642 : 9.425.500

Nợ TK 334 : 4.005.838

Có TK 338 : 13.431.338

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu số 2.23: Bảng thanh toán tiền lương khối văn phòng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**  
Số 341 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng  
**BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VĂN PHÒNG**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG CƠ BẢN	LƯƠNG THỜI GIAN		LƯƠNG NGÀY LỄ		TỔNG LƯƠNG	PHỤ CẤP THUỘC QUỸ LƯƠNG	TỔNG THU NHẬP	CÁC KHOẢN KHẤU TRỪ				THỰC LĨNH	KÝ NHẬN
				SỐ CÔNG	SỐ TIỀN	SỐ CÔNG	SỐ TIỀN				BHXX(6%)	BHYT(1,5%)	BHTN(1%)	CỘNG		
1	Ngô Sỹ Thìn	Giám đốc	3.960.000	23,5	3.960.000	0	0	3.960.000	1500.000	5.460.000	237.600	59.400	39.600	336.600	5.123.400	
2	Nguyễn Minh Tuấn	Phó giám đốc	3.520.000	23,5	3.520.000	0	0	3.520.000	1200.000	4.720.000	211.200	52.800	35.200	299.200	4.420.800	
3	Nguyễn Mạnh Cường	Thuyền viên	2.393.600	23,5	2.393.600	0	0	2.393.600	900.000	3.293.600	143.616	35.904	23.936	203.456	3.090.144	
4	Ngô Thị Phương Thùy	Kế toán trưởng	2.500.000	23,5	2.500.000	0	0	2.500.000	900.000	3.400.000	150.000	37.500	25.000	212.500	3.187.500	
5	Nguyễn Thị Hoa	Kế toán	1.200.000	23,5	1.200.000	0	0	1.200.000	300.000	1.500.000	72.000	18.000	12.000	102.000	1.398.000	
6	Nguyễn Thị Liên	Pvụ	1.000.000	23,5	1.000.000	0	0	1.000.000	100.000	1.100.000	60.000	15.000	10.000	85.000	1.015.000	
7	Ngô Ngọc Băng Xuân	Thuyền viên	2.059.200	23,5	2.059.200	0	0	2.059.200	300.000	2.359.200	123.552	30.888	20.592	175.032	2.184.168	
8	Kiều Thị Vân	Kế toán	2.059.200	23,5	2.059.200	0	0	2.059.200	300.000	2.359.200	123.552	30.888	20.592	175.032	2.184.168	
9	Nguyễn Thị Thu	Kế toán	2.059.200	23,5	2.059.200	0	0	2.059.200	300.000	2.359.200	123.552	30.888	20.592	175.032	2.184.168	
10	Lê Văn Đoàn	Nhân viên	3.400.000	23,5	3.400.000	0	0	3.400.000	0	3.400.000	204.000	51.000	34.000	289.000	3.111.000	
11	Phạm Đức Chính	Nhân viên	3.000.000	23,5	3.000.000	0	0	3.000.000	0	3.000.000	180.000	45.000	30.000	255.000	2.745.000	
<b>Cộng</b>			<b>27.151.200</b>		<b>27.151.200</b>			<b>27.151.200</b>	<b>5.800.000</b>	<b>32.951.200</b>	<b>1.629.072</b>	<b>407.268</b>	<b>271.512</b>	<b>2.307.852</b>	<b>30.643.348</b>	

NGƯỜI LẬP  
(Ký, Họ tên)

KẾ TOÁN  
(Ký, Họ tên)

GIÁM ĐỐC  
(Ký, Họ tên, Đóng dấu)



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN 341 Đà Nẵng – Ngô Quyền – Hải Phòng

#### BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THUYỀN VIÊN DỰ TRỮ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	LƯƠNG CƠ BẢN LÀM CĂN CỨ ĐÓNG BẢO HIỂM	LƯƠNG DỰ TRỮ	CÁC KHOẢN KHẤU TRỪ				THỰC LĨNH	KÝ NHẬN
					BHXH(6%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	CỘNG		
1	Nguyễn Văn Trọng	A/B	981.000	150.000	58.860	14.715	9.810	83.385	66.615	
2	Nguyễn Đức Đồng	A/B	981.000	150.000	58.860	14.715	9.810	83.385	66.615	
3	Trịnh Văn Toán	3/E	1.966.500	250.000	117.990	29.498	19.665	167.153	82.847	
4	Lã Minh Đăng	Oiler	1.057.500	150.000	63.450	15.836	10.575	89.888	60.112	
5	Phạm Văn Minh	A/B	981.000	150.000	58.860	14.715	9.810	83.385	66.615	
6	Nguyễn Văn Trì	Oiler	1.053.000	150.000	63.180	15.795	10.530	89.505	60.495	
7	Nguyễn Duy Bình	1/E	1.224.000	300.000	73.440	18.360	12.240	104.040	195.960	
8	Nguyễn Văn Giáp	Elect	1.057.500	150.000	63.450	15.836	10.575	89.888	60.112	
9	Lê Văn Quang	3/E	1.057.500	250.000	63.450	15.836	10.575	89.888	160.112	
10	Đình Văn Chương	2/O	1.165.500	250.000	69.930	17.483	11.655	99.068	150.932	
11	Ngô Văn Tiến	Oiler	1.057.500	150.000	63.450	15.863	10.575	89.888	60.112	
12	Vũ Văn Lai	C/E	3.572.800	500.000	214.368	53.592	35.728	303.688	196.312	
13	Nguyễn Thế Thăng	2/E	2.840.500	250.000	170.430	42.608	28.405	241.443	8.557	
14	Lã Xuân Thanh	2/O	981.000	250.000	58.860	14.715	9.810	83.385	166.615	
<b>CỘNG</b>			<b>19.976.300</b>	<b>3.100.000</b>	<b>1.198.578</b>	<b>299.567</b>	<b>199.763</b>	<b>1.697.986</b>	<b>1.402.014</b>	

NGƯỜI LẬP  
(Ký,Họ tên)

KẾ TOÁN  
(Ký,Họ tên)

GIÁM ĐỐC  
(Ký,Họ tên,Đóng dấu)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**Biểu số 2.24: Bảng tổng hợp lương và các khoản trích theo lương**

STT	Bộ phận	Tổng quỹ lương	Tổng quỹ lương đóng BHXH	Các khoản trích vào chi phí				Khấu trừ vào lương(8,5%)
				BHXH(16%)	BHYT(3%)	BHTN(1%)	Cộng	
1	Quản lý văn phòng	32.951.200	27.151.200	4.344.192	814.536	271.512	5.430.240	2.307.852
2	Thuyền viên dự trữ	3.100.000	19.976.300	3.196.208	599.289	199.763	3.995.260	1.697.986
<b>Tổng cộng</b>		<b>36.051.200</b>	<b>47.127.500</b>	<b>7.540.400</b>	<b>1.413.825</b>	<b>471.275</b>	<b>9.425.500</b>	<b>4.005.838</b>

NGƯỜI LẬP  
(Ký,Họ tên)

KẾ TOÁN  
(Ký,Họ tên)

GIÁM ĐỐC  
(Ký,Họ tên,Đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.25 : Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **S03a - DNN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
21/11	PC 229 HD194 6962	21/11	Thanh toán cước viễn thông			642 1331 1111	1.275.583 127.559	1.403.142
28/11	PC 231 HD000 9134	28/11	Thanh toán tiền văn phòng phẩm			642 1331 1111	619.950 61.995	681.945
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
17/12	PC 237 HD003 8095	17/12	Thanh toán cước chuyển phát nhanh			642 1331 1111	284.000 28.400	312.400
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
31/12	GBN 24	31/12	Phí quản lý tài khoản			642 1331 1121	20.000 2.000	22.000
31/12	BL	31/12	Lương phải trả			642 334	36.051.200	36.051.200
31/12	BL	31/12	Các khoản trích theo lương			642 338	9.425.500	9.425.500
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
			<b>Tổng cộng</b>				<b>15.354.901.570</b>	<b>15.354.901.570</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.26 : Sổ cái TK 642

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **S03b - DNN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**

Số hiệu: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			SFS			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
21/11	PC229 HĐ194 6962	21/11	Thanh toán cước viễn thông	1111	1.275.583	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
28/11	PC231 HĐ0009 134	28/11	Thanh toán tiền văn phòng phẩm	1111	619.950	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
17/12	PC237 HĐ003 8095	17/12	Thanh toán cước chuyển phát nhANH	1111	284.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	GBN 24	31/12	Phí quản lý tài khoản	1121	20.000	
31/12	BL	31/12	Lương phải trả	334	36.051.200	
31/12	BL	31/12	Các khoản trích theo lương	338	9.425.500	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 52	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN Quý IV sang TK 911	911		145.889.019
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>583.556.076</b>	<b>583.556.076</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

### **2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Hàng quý, Công ty thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

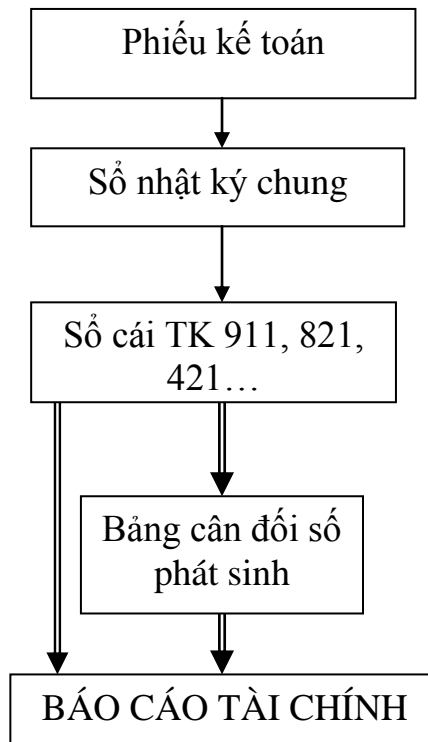
#### **2.2.4.1. Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng**

- + Phiếu kế toán
- + Sổ NKC
- + Sổ cái TK 911, TK821, TK421

#### **2.2.4.2. Tài khoản sử dụng**

- ✓ TK 821 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”  
TK cấp 2 : TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- ✓ TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”
- ✓ TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”  
Các tài khoản cấp 2 :
  - + TK 4211 – “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”
  - + TK 4212 – “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay”

**2.2.4.3. Quy trình luân chuyển chứng từ**



**Sơ đồ 2.10: Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Chú thích: Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$   
Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ:  $\Longrightarrow$

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

✚ Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421.

✚ Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 bằng tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty hòa vốn.

✚ Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty có lãi thì kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

- Thu nhập chịu thuế = SFS bên Có TK 911 - SFS bên Nợ TK 911
- Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

➤ **Ví dụ :** Cuối quý IV, ngày 31/12/2011, kế toán thực hiện kết chuyển doanh thu, chi phí sang TK 911 :

Nợ TK 511:	264.116.886	Nợ TK 911:	145.889.019
Nợ TK 515:	45.405	Có TK 642:	145.889.019
Có TK 911:	264.162.291		

Ngày 31/12/2011, kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của cả năm 2011 :

Doanh thu = 1.056.467.544

Doanh thu hoạt động tài chính = 181.620

Chi phí quản lý doanh nghiệp = 583.556.076

Thu nhập chịu thuế = Doanh thu + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí quản lý doanh nghiệp

$$\begin{aligned} &= 1.056.467.544 + 181.620 - 583.556.076 \\ &= 473.093.088 \end{aligned}$$

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%.

Ngày 06/08/2011, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 08/2011/QH13 về việc ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Theo đó, Quốc hội thông qua đề xuất giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Kế toán xác định chi phí thuế TNDN cả năm 2011:

$$473.093.088 \times 25\% \times 70\% = 82.791.290$$

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 821:	82.791.290
Có TK 3334:	82.791.290

Kế toán định khoản phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Nợ TK 911:	82.791.290
Có TK 821:	82.791.290

Kế toán định khoản kết chuyển lãi:

Nợ TK 911:	390.301.798
Có TK 421:	390.301.798

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### Biểu số 2.27 : Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN				
Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng				
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b>			Số : 52	
Ngày 31 tháng 12 năm 2011				
STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển doanh thu Quý IV	511	911	264.116.886
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính Quý IV	515	911	45.405
3	Kết chuyển chi phí QLDN Quý IV	911	642	583.556.076
<b>Tổng cộng</b>				<b>847.718.367</b>
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>				
Người lập phiếu (Ký, Họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, Họ tên)	

### Biểu số 2.28 : Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN				
Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng				
<b>PHIẾU KẾ TOÁN</b>			Số : 53	
Ngày 31 tháng 12 năm 2011				
STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	82.791.290
2	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	390.301.798
<b>Tổng cộng</b>				<b>473.093.088</b>
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>				
Người lập phiếu (Ký, Họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, Họ tên)	



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.29 : Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **S03a - DNN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					NỢ	CÓ
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
31/12	PKT 52	31/12	Kết chuyển doanh thu Quý IV sang TK 911			511 515 911	264.116.886 45.405	264.162.291
31/12	PKT 52	31/12	Kết chuyển chi phí Quý IV sang TK 911			911 642	145.889.019	145.889.019
31/12	PKT 53	31/12	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp			911 821	82.791.290	82.791.290
31/12	PKT 53	31/12	Kết chuyển lãi			911 421	390.301.798	390.301.798
.....	.....	.....	.....			.....	.....	.....
			<b>Tổng cộng</b>				<b>15.354.901.570</b>	<b>15.354.901.570</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.30 : Sổ cái TK 911

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **S03b - DNN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Số hiệu: 911

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			SFS			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 52	31/12	Kết chuyển doanh thu Quý IV sang TK 911	511 515		264.116.886 45.405
31/12	PKT 52	31/12	Kết chuyển chi phí Quý IV sang TK 911	642	145.889.019	
31/12	PKT 53	31/12	Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp	821	82.791.290	
31/12	PKT 53	31/12	Kết chuyển lãi	421	390.301.798	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.056.649.164</b>	<b>1.056.649.164</b>
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.31 : Sổ cái TK 821

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **S03b - DNN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Số hiệu: 821

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			
			SFS			
31/12	PKT	31/12	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3334	82.791.290	
31/12	PKT 53	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		82.791.290
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>82.791.290</b>	<b>82.791.290</b>
			Số dư đầu kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.32: Sổ cái TK 421

Đơn vị: **CTY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

Mẫu số: **S03b - DNN**

Địa chỉ: **Số 341 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **SỔ CÁI**

Năm: 2011

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			NỢ	CÓ
			Số dư đầu kỳ			<b><u>108.938.900</u></b>
			SFS			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 53	31/12	Kết chuyển lãi	911		390.301.798
			Cộng phát sinh			<b>390.301.798</b>
			Số dư cuối kỳ			<b><u>499.240.698</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Giám đốc  
(Đã ký tên, đóng dấu)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.33: Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN

Địa chỉ : Số 341 Đà Nẵng,Ngô Quyền,Hải Phòng

Mẫu số B02 - DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
A	B	C	1	2
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	IV.08	<b>1.056.467.544</b>	<b>972.546.938</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>1.056.467.544</b>	<b>972.546.938</b>
4 Giá vốn hàng bán	11		-	65.526.204
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.056.467.544</b>	<b>907.020.735</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		181.620	621.413
7 Chi phí tài chính	22		-	762.650
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
9 Chi phí quản lý kinh doanh	25		583.556.076	761.627.631
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>473.093.088</b>	<b>145.251.867</b>
11 Thu nhập khác	31		-	-
12 Chi phí khác	32		-	-
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>			-
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>IV.09</b>	<b>473.093.088</b>	<b>145.251.867</b>
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		82.791.290	36.312.967
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>390.301.798</b>	<b>108.938.900</b>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG III : HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH  
THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI VẠN XUÂN**

**3.1. Đánh giá khái quát về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân**

**3.1.1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị**

Nhìn chung, tuy là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, với 5 năm hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân đã có chỗ đứng nhất định trên thị trường bằng những dịch vụ hoàn hảo, có uy tín cao, giá thành hợp lý. Công ty có bộ máy quản lý khá khoa học, các phòng ban được phân công nhiệm vụ một cách rõ ràng, cụ thể. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, tuy gặp không ít những khó khăn nhưng Công ty vẫn luôn phấn đấu vươn lên, đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, phát động nhiều phong trào thi đua nhằm khắc phục mặt yếu, phát huy những điểm mạnh sẵn có, qua đó tìm được những hướng đi mới phù hợp với quy luật phát triển hiện nay. Hàng năm, Công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các chuyến đi thăm quan cho cán bộ công nhân viên giúp cho họ được thư giãn, hòa đồng, thêm thân thiết và càng gắn bó với Công ty. Có được thành quả như hôm nay phải kể đến sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý cũng như sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Giám đốc và các phòng ban cùng toàn thể các nhân viên trong Công ty.

Trong thời gian qua, Công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Trong công tác kế toán của Công ty, việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên

tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của Công ty dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của công tác kế toán trong Công ty. Nó đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế, đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả. Vì vậy, nó đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản lý.

### **3.1.2. Những ưu điểm đạt được**

#### ***3.1.2.1. Về tổ chức bộ máy quản lý***

Để điều hành, quản lý quá trình kinh doanh dịch vụ của Công ty đạt hiệu quả cao đòi hỏi bộ máy quản lý hợp lý, gọn nhẹ góp phần làm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Do đó, Công ty tổ chức bộ máy quản lý theo cơ cấu trực tuyến – chức năng.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty tương đối gọn nhẹ, hoạt động thực sự có hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng. Các phòng ban, bộ phận có quan hệ chặt chẽ với nhau trong công tác thực hiện kế hoạch kinh doanh. Từng nhân viên trong Công ty được gắn bó vào công việc chuyên biệt, điều đó cho phép họ tích lũy được kinh nghiệm, phát huy được năng lực sở trường để thực hiện công việc có hiệu quả cao.

#### ***3.1.2.2. Về tổ chức bộ máy kế toán***

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với Công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao

hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Nói chung, việc tổ chức bộ máy kế toán hiện nay là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người.

Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên, đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Vì vậy công tác tổ chức kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những sai sót, gian lận.

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức khoa học, thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý, phù hợp với trình độ chuyên môn từng người. Đội ngũ kế toán có trình độ, năng lực, kinh nghiệm, nhiệt tình và trung thực đã góp phần không nhỏ vào công tác kế toán của doanh nghiệp.

### ***3.1.2.3. Về việc vận dụng hệ thống tài khoản và hình thức kế toán***

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung. Đồng thời, kế toán cũng chi tiết thêm các tiểu khoản phù hợp với yêu cầu quản lý của từng đối tượng.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp. Đây là hình thức kế toán đơn giản, dễ vận dụng, phù hợp với trình độ năng lực và yêu cầu quản lý của Công ty. Giúp cho kế toán thuận tiện trong việc ghi chép, xử lý số liệu kế toán mà còn tiết kiệm được thời gian và công sức, tạo điều kiện cho việc cung cấp thông tin kịp thời.

### ***3.1.2.4. Về chứng từ kế toán sử dụng***

Công ty sử dụng chứng từ theo chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ



Tài chính. Chứng từ kế toán của Công ty được lập rõ ràng, đầy đủ, kịp thời và chính xác theo nội dung quy định trên mẫu.

Chứng từ kế toán của Công ty được lập theo đúng nội dung của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh, đúng số liên theo quy định, được lập sạch sẽ, không tẩy xóa, sửa chữa, chữ viết liên tục, có chữ ký, dấu theo quy định.

Tất cả các chứng từ kế toán của Công ty được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng, theo đúng nội dung kinh tế, theo đúng trình tự thời gian và được bảo đảm an toàn theo quy định của Nhà nước. Nhờ đó, việc tìm chứng từ luôn được nhanh chóng, chính xác, giúp cho các cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán cũng như các cơ quan kiểm tra, kiểm soát được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, tiết kiệm thời gian.

### ***3.1.2.5. Về sổ sách kế toán sử dụng***

Sổ sách kế toán của Công ty được lập rõ ràng, chính xác, theo mẫu hướng dẫn của Nhà nước. Không cứng nhắc theo các mẫu sổ kế toán được quy định, kế toán Công ty còn sáng tạo, tìm tòi lập ra những sổ kế toán mới phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tình hình thực tế, yêu cầu quản lý của Công ty nhưng vẫn tuân thủ theo đúng quy định, phản ánh đúng, chính xác, minh bạch nội dung nghiệp vụ kinh tế tăng hiệu quả giám sát, quản lý và đối chiếu. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm.

### ***3.1.2.6. Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty nhìn chung đã áp dụng đúng theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Về công tác kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động

kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý tốt hơn nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác này tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác.

### **3.1.3. Một số hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm đạt được, kế toán còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích, làm sáng rõ. Từ đó có các biện pháp thiết thực nhằm cung cấp hoàn thiện hơn nữa giúp cho việc cung cấp thông tin được đầy đủ, chính xác, giúp cho ban lãnh đạo công ty đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý, hoạt động kinh doanh.

#### **3.1.3.1. Về hình thức kế toán**

Hình thức kế toán mà Công ty sử dụng là hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này phù hợp với quy mô và đặc điểm kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty lại không sử dụng phần mềm kế toán máy. Vì thế, Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để giảm thiểu khối lượng sổ sách, khối lượng công việc cho kế toán viên, giúp cho việc hạch toán kế toán được đơn giản, gọn nhẹ hơn.

#### **3.1.3.2. Về việc trích nộp kinh phí công đoàn**

Các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp gồm có Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Kinh phí công đoàn. Công ty chưa trích nộp kinh phí công đoàn, sẽ làm ảnh hưởng tới lợi ích của nhân viên trong công ty, đời sống của nhân viên không được chăm lo.

### ***3.1.3.3. Về công tác thu hồi nợ***

Mặc dù các khoản nợ phải thu của Công ty không nhiều và cũng không lớn nhưng do chỉ là một công ty nhỏ, cho nên để nợ đọng nhiều sẽ ảnh hưởng không tốt đến khả năng tuần hoàn vốn và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

## **3.2. Các kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân**

### **3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân chưa thực sự được hoàn thiện, gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về doanh thu, chi phí chưa được đầy đủ, chi tiết và chính xác. Vì vậy, trước hết Công ty phải tự hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra đối chiếu, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng những phương pháp khoa học để biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản. Từ đó, giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như thế nào. Từ đó, giúp nhà quản trị xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững. Đồng thời, việc lập các báo cáo tài chính cung

cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính của Công ty như nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

### **3.2.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

- Đảm bảo sự phù hợp giữa loại hình doanh nghiệp và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp đều có đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý.

- Đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành kinh doanh dịch vụ

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như cho công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu một cách kịp thời, chính xác là điều hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng. Đối với cơ quan thuế, giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào Ngân sách Nhà nước. Đối với ngân hàng, giúp cho việc tính lãi tiền vay, tiền gửi. Quan trọng là đối với Ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều đặc biệt quan tâm của doanh nghiệp và các đối tác tham gia.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kỳ một doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

### **3.2.3. Nội dung một số kiến nghị đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh**

#### **3.2.3.1. Kiến nghị 1: Về ứng dụng phần mềm kế toán**

Việc hạch toán sổ sách kế toán của Công ty vẫn được tiến hành theo phương pháp thủ công. Vì vậy, Công ty có thể mua và sử dụng phần mềm của các nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như :

- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán SIMBA
- Phần mềm kế toán ASIA
- Phần mềm kế toán METADATA
- Phần mềm kế toán EFFECT

.....

Hoặc Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 24/11/2005 về việc “ Hướng dẫn về tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”.

Trình tự ghi sổ kế toán máy :

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

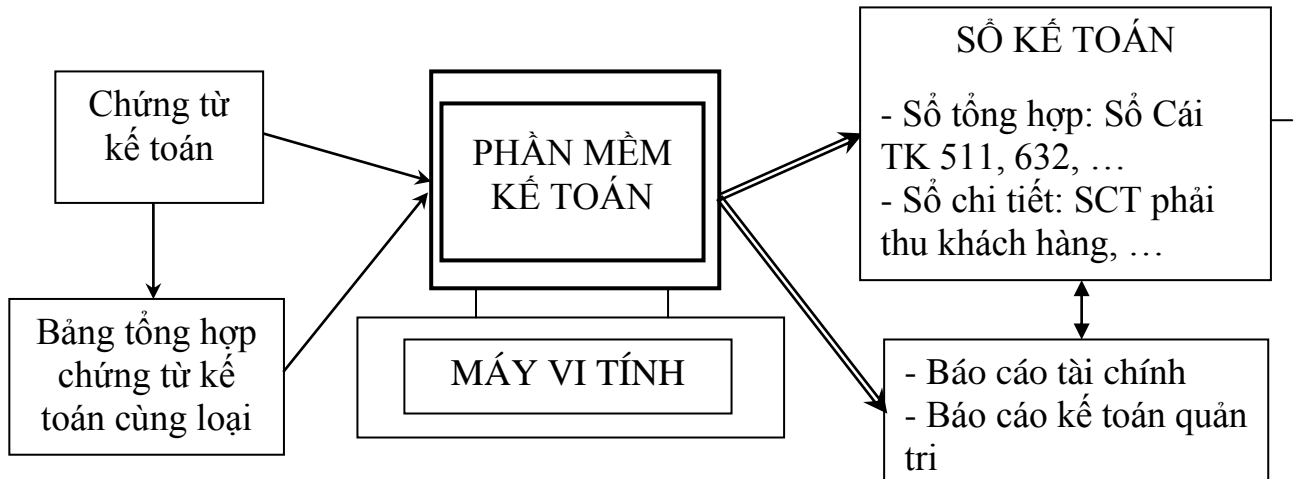
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký - Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra

giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



**Sơ đồ 3.1:** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

**Ghi chú:**  $\longrightarrow$  Nhập số liệu hàng ngày  
 $\Longrightarrow$  In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm  
 $\longleftrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra

Giải pháp này giúp doanh nghiệp trong việc như :

- + Hạch toán kế toán được đơn giản, gọn nhẹ, giúp cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác.
- + Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán
- + Làm giảm khối lượng công việc của các nhân viên trong phòng kế toán, tạo được hiệu quả cao trong công tác quản lý.
- + Thuận tiện cho quá trình lưu trữ và bảo quản dữ liệu kế toán.
- + Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

### **3.2.3.2. Kiến nghị 2: Về việc trích nộp kinh phí công đoàn**

Công ty cần trích nộp kinh phí công đoàn là 2% tổng quỹ lương thực tế trả, tuân thủ theo Luật Công đoàn và Điều lệ công đoàn Việt Nam.

2% KPCĐ được trích trên quỹ lương thực trả.

Trong đó:

1% nộp lên công đoàn cấp trên

1% còn lại chuyển vào quỹ Công đoàn tại công ty. Công đoàn công ty được sử dụng phục vụ cho các hoạt động công đoàn tại công ty, chi cho các hoạt động phúc lợi và trả lương, phụ cấp (nếu có) cho cán bộ công đoàn tại doanh nghiệp theo hướng dẫn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam như : các hoạt động thăm hỏi, ốm đau, ma chay, cưới hỏi, ủng hộ các hoạt động phúc lợi xã hội.

### **3.2.3.3. Kiến nghị 3: Hoàn thiện công tác thu hồi nợ**

Về tình hình thanh toán công nợ phải thu, để giúp cho Công ty thu hồi các khoản phải thu nhanh chóng, Công ty cần chú trọng các biện pháp như :

+ Thường xuyên tăng cường công tác đôn đốc để thu hồi nợ đúng hạn, đẩy nhanh tuần hoàn vốn của doanh nghiệp, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

+ Tính toán, ghi chép phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ từng khoản nợ phải thu theo từng đối tượng: số nợ phải thu, số nợ đã thu và số nợ còn phải thu.

+ Kiểm tra giám sát chặt chẽ việc chấp hành chế độ quy định về quản lý các khoản nợ phải thu .

+ Có các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán : lựa chọn khách hàng, yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hay trả trước một phần ...)

### **3.2.3.4. Kiến nghị 4: Về đội ngũ kế toán**

Công ty nên tạo điều kiện quan tâm hơn nữa để cán bộ kế toán được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về sử dụng phần mềm kế toán, cập nhật những thay đổi theo chế độ kế toán hiện hành nhằm giúp quá trình tiếp cận và vận dụng được dễ dàng và thuận lợi hơn.



### ***3.2.3.5. Kiến nghị 5: Hoàn thiện kế toán xác định kết quả kinh doanh***

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả kinh doanh, kết quả của hoạt động tài chính và kết quả của hoạt động khác. Yêu cầu đặt ra là kế toán phải phản ánh trung thực và chính xác kết quả của từng hoạt động để giúp cho nhà quản lý ra những quyết định, những hướng đi đúng cho hoạt động của doanh nghiệp.

### ***3.2.3.6. Kiến nghị khác :***

Trong môi trường kinh doanh cạnh tranh gay gắt như hiện nay, cùng với những cơ hội là những thách thức có thể xảy ra rủi ro bất cứ lúc nào đối với doanh nghiệp. Việc mỗi doanh nghiệp phải có những sách lược riêng của mình để hạn chế mức thấp nhất khả năng rủi ro là điều tất yếu. Đối với việc sử dụng phần mềm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, ngoài nhiệm vụ chính là hạch toán, cung cấp thông tin liên quan và đưa ra kết quả cuối cùng cho ban lãnh đạo thì kế toán cũng có thể đưa ra những ý kiến để góp phần nâng cao kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Kế toán có thể từ những thông tin số liệu của mình có nhận xét về tình hình hoạt động của Công ty, tình hình nợ phải thu khách hàng...đang ở tình trạng tốt hay không tốt để từ đó có những giải pháp giúp ban lãnh đạo công ty ra những quyết định đúng đắn.



## **KẾT LUẬN**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, hoạt động kinh doanh nói riêng kinh tế nói chung hết sức quan trọng đối với sự phát triển của đất nước và là động lực thúc đẩy sản xuất ngày càng cao. Để cho doanh nghiệp ngày càng phát triển theo xu hướng của nền kinh tế thì việc tối đa hóa lợi nhuận luôn là mục tiêu hàng đầu của bất kỳ doanh nghiệp nào. Lợi nhuận góp phần vào sự thắng lợi của doanh nghiệp, nhưng để đạt được mục tiêu đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược đúng đắn, mang tính thuyết thực đưa công ty đạt tới hiệu quả như mong muốn.

Trong những nhân tố làm cho doanh nghiệp có những nhận định sáng suốt đóng vai trò hết sức quan trọng. Tổ chức công tác kế toán hợp lý sẽ tạo điều kiện kinh doanh tốt và tạo ra nhiều điều kiện thuận lợi hơn. Giám sát chặt chẽ hợp lý hơn sẽ hạn chế tối đa các vấn đề gian lận mà không gây cản trở kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong thời gian qua sự biến đổi của thị trường đã ảnh hưởng đến các doanh nghiệp có nhiều doanh nghiệp phải phá sản, nhưng doanh nghiệp vẫn đứng vững trên thị trường và đạt kết quả tốt trong kinh doanh. Kết quả đó cho thấy doanh nghiệp đã tổ chức tốt bộ máy kế toán. Thông qua bộ máy kế toán, nhà quản lý sẽ nắm bắt được một cách kịp thời toàn bộ quá trình hoạt động và kinh doanh của doanh nghiệp. Để tạo nên thành công hơn, hay nói chính xác hơn là lợi nhuận và tăng uy tín trong kinh doanh của công ty trên thị trường, đó là nhờ công sức của những nhân viên trong công ty nói chung và nhân viên phòng kế toán nói riêng.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của cô CN. KTT Tô Thúy Hoa và công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

*Hải Phòng, ngày 21 tháng 06 năm 2012*

**Sinh viên: Hoàng Bích Ngọc**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006. Tác giả : Bộ Tài chính, PGS.TS.Võ Văn Nhị, NXB Thống kê.
2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
3. Kế toán thương mại và dịch vụ - PGS.PTS Ngô Thế Chi.
4. Quản trị tài chính doanh nghiệp - TS Võ Đăng Nam.
5. Một số website.
  - ✓ Webketoan.com
  - ✓ TaiLieu.VN
  - ✓ KeToan.Org
  - ✓ Tapchiketoan.com
  - ✓ Danketoan.com
6. Và tài liệu sổ sách do Công ty Cổ phần Hàng Hải Vạn Xuân cung cấp.